

## **Chương IV**

---

### **DIỄN TRÌNH CƠ ĐẠO TẠI HAI MIỀN TRUNG BẮC 1932 - 1945**

#### **4.1 TÍN NGƯỠNG Ở TRUNG BẮC VIỆT NAM TRƯỚC NĂM 1938**

Từ trước, miền Trung Bắc Việt Nam đã chịu ảnh hưởng của ba nền tôn giáo Nho Thích Đạo, và kể từ thế kỷ XIX lại đây của Cơ Đốc giáo phần nào bởi trò chính trị như đã nói trên.

Nay xin đi vào các phần ảnh hưởng trực tiếp đến sự thành hình Cao Đài giáo ở Trung Bắc Việt. Đó là các nhóm đạo thuộc chi nhánh của ngũ chi Minh Sư, Minh Đường, Minh Thiện, Minh Lý, Minh Tân mà thời kỳ phôi thai nền đạo đã góp phần xây dựng đáng kể cho công trình cứu độ kỳ ba như đã minh xác trong Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ - Quyển II - Phần Phổ Độ.

Sau nhiều năm sưu tầm, bởi phương tiện bị hạn hẹp trong không gian và thời gian, đến nay xin được sơ lược như sau:

## ❑ Ở miền Trung

### • Tại Quảng Nam

Đất Quảng Nam, với địa danh nguyên thủy là một vùng đất chạy dài từ Thừa Thiên đến Phú Yên ngày nay, nhưng đến triều Tây Sơn thì đất Quảng Nam thu hẹp lại đến ranh giới phủ Tam Kỳ, tức phần đất còn đến đầu thế kỷ XX lại đây.

Tỉnh Quảng Nam phải nói là một tỉnh văn vật vào bậc nhất ở Trung kỳ, cả về phương diện văn chương lẫn tôn giáo, những nhân vật xuất chúng tại miền Trung thường là dân Quảng Nam, nếu không phải là dân Nghệ An. Đây cũng cần kể sơ lược địa hình địa vật tỉnh này để cho thấy sự xuất hiện một nhân vật nổi danh không phải nơi nào cũng có mà phần lớn do ảnh hưởng sông núi đất đai mà ra.

Một quan sát viên khi nhìn bản đồ Việt Nam sẽ thấy giữa vĩ tuyến 15 và 16, hiện ra một khoảng đồng bằng rộng rãi, phì nhiêu, so với hai đầu của Trung Kỳ thì nó là phần to nhất của xứ này. Phía Tây là dãy Trường Sơn với đỉnh cao gọi là Núi Quắp (*Núi Ấn?*) khoảng 2000m. Phía Đông là biển Nam Hải trải ra màu xanh biếc tận chân trời. Du khách đi từ Nam ra, sẽ thấy từ An Tân dãy Trường Sơn rời xa biển khoảng 30-40 km, nếu họ đi từ Bắc vào sẽ qua đèo Hải Vân cao vút tận chân mây để nhìn về phương Nam ngút ngàn cỏ cây xanh ngắt!

Nơi đây ngày xưa của vua Chiêm là đất đế đô bởi đền đài lăng tẩm còn di tích đồ nát một vùng rộng lớn ở Mỹ Sơn, phía Nam sông Thu Bồn. Cảnh trí miền này cho biết nơi đây quả đã trải qua bao thời chinh chiến mà lịch sử còn ghi công cuộc Nam tiến từ nhà Trần với Huyền Trân Công chúa mà các địa danh châu Ô châu Rí còn nghe nhắc đến bây giờ!

Không biết sinh hoạt của dân tộc Chăm ngày trước ra sao, nguồn gốc của những gia đình dân Việt tại vùng này thường được ghi bằng những công cuộc khai phá đất đai từ hoang vu để phân thành ranh giới làng mạc. Thế nên, cuộc sống nông trang tại đây cho thấy người dân đã sống quen trong cảnh bần bạch. Riêng các phố chợ đông đúc như thị xã Tam Kỳ, tỉnh lỵ Hội An hay nhượng địa Đà Nẵng thì có vẻ linh hoạt tân kỳ hơn.

Con sông Thu Bồn uốn khúc ngang giữa tỉnh này đã phát nguồn từ dãy Trường Sơn, nối liền các thung lũng có núi cao miền Thượng du với các thác ghềnh đến mặt biển. Người dân Quảng Nam có cái hân hạnh được thấy rõ và nhận biết ý nghĩa của tang thương biến đổi khi bãi cát ở hai bên bờ sông thường không giữ nguyên vị trí cũ mà đã thường xê dịch qua lại theo độ uốn khúc của dòng sông. Sở dĩ như thế là vì con sông Thu Bồn vốn đem nước từ nguồn trong dãy Trường Sơn xuống biển, giữa khoảng đồng bằng mênh mông khoảng 400 cây số vuông mà chỉ một lối thoát nước từ các dãy núi cao nên mỗi năm, đến

mùa lụt lội nước lũ từ nguồn đổ xuống, tạo nên một dòng sông chảy xiết đục đỏ những bờ sông có đất cao ngăn chận, và tạo nên một lớp phù sa pha lẫn cát cùn lại ở bờ đối diện, và cứ như thế hết bờ bên này đến bờ bên kia không gì ngăn cản được. Sự biến đổi ảnh hưởng đến bờ rạch làng xã nên sau một thời gian đất của làng này đã nhảy sang đất của làng khác và đó là lý do tranh tụng đến ầu đả, nhiều khi đến đẫm máu để giành phần đất của mình, mà dường như các quan lại ngày xưa không còn cách nào khác hơn là duyệt y theo lý của bên mạnh!

Nay trở lại vấn đề đạo giáo. Sở dĩ soạn giả trước khi nói đến sự truyền bá chân truyền Cao Đài giáo ra Trung Việt đã đề cập trước tiên đến tỉnh Quảng Nam bởi nơi đây sẽ là trung tâm của cơ đạo làm gạch nối liền các tỉnh miền Nam và các tỉnh miền Bắc.

Trước 1926, Linh Quang Tự được xem như tổ đình của tất cả các chi nhánh Minh Sư lan truyền khắp nước từ Nam ra đến các tỉnh miền Trung, kể từ đầu thế kỷ XX. Rồi từ năm 1926, nguyên vị Lão sư Trần Đạo Quang, bậc Thái Lão Minh Sư tại Linh Quang Tự<sup>4.1</sup> đã qui nguyên qua đạo Cao Đài.

Không ai biết đích xác từ bao giờ, nhưng khoảng thập niên 1930, tại Quảng Nam, số tín hữu và các chùa thuộc chi Minh Sư do cụ Thái Lão Trần Đạo Quang được biết như sau:

- Ở Duy Xuyên có chùa Bà Giám, còn gọi là Tây Thiên Tự.
- Ở Đại Lộc có Quảng Huế Tự.
- Ở Điện Bàn có Phú Bông Tự và Hà Mật Tự.

Bốn chùa trên đây có số môn đồ thường qui tụ ở xã Tráng Sơn, sau gọi là An Tráng Tự (*Thăng Bình*) và từ An Tráng Tự nảy ra các nhóm Tùng Lâm, Tả Lâm, Hòa An (*Tiên Phước*) và Đức An (*Thăng Bình*). Các chùa này có số môn đồ riêng từng địa phương nhưng liên hệ mật thiết nhau.

Từ năm 1936, một số môn đồ Minh Sư đã theo ngài Thái Lão Trần Đạo Quang qui nguyên qua đạo Cao Đài có thể kể: quý ông Nguyễn mậu Công<sup>4.2</sup>, Võ văn Tuyển<sup>4.3</sup> vốn người Quế Sơn, đã thọ giáo Minh Sư vào năm Giáp Dần 1915. Đồng thời có các ông Đoàn thanh Chương<sup>4.4</sup>, Nguyễn đức Quýnh<sup>4.5</sup> ở Trà Kiệu và ông Võ xương Kính<sup>4.6</sup> ở Phú Bông nguyên là chủ chùa Tây Thiên Tự.

Trong số những người kế tục quý vị trên có quý ông: Khúc xương Viên ở Dinh Trận (*Điện Bàn*), ông Nguyễn quang Châu ở La Khom (*Điện Bàn*), ông Đỗ chấp Trung ở Ô Gia (*Đại Lộc*), quý ông Huỳnh ngọc Trác, Trần nguyên Chất ở

---

4.1 Tại Gò Vấp - Gia Định.

4.2 Pháp danh Chí Đơn.

4.3 Pháp danh Chí Đạt.

4.4 Tục gọi thầy Diên.

4.5 Tục thầy Thủ Trí.

4.6 Tục gọi thầy Chín.

## *Đông Tân*

An Tráng, Phan thiện Trì ở Hiền Lộc (*Thăng Bình*) là những người tiên phong trong công cuộc qui nguyên Chánh pháp kỳ ba một cách tích cực mà ta sẽ nhận rõ ở những chương sau.

Sau đây xin ghi lại thành tích của một lực lượng Tam giáo Minh Sư đáng kể nhất đã làm cho nền đạo Cao Đài bộc phát một cách phi thường bởi tổ chức đạo giáo đã đem lại những kết quả khả quan có tác dụng quần chúng một cách mới mẻ trước khi qui nguyên vào Cao Đài giáo.

Thật ra, trước sự qui nguyên của nhóm tu Minh Sư này đã có quý ông Khúc xương Viên ở Dinh Trận, Nguyễn quang Châu ở La Khom và Đỗ chấp Trung ở Ô Gia cũng đồng sinh hoạt Tam giáo nhưng đó chỉ là phần lẻ tẻ đứng trên cương vị cá nhân hơn là tập thể. Soạn giả muốn nói đến lực lượng tu học ở An Tráng Tự, trước khi gia nhập hàng ngũ Cao Đài giáo.

Trong thời kỳ các nhóm đạo Minh Sư bành trướng đó đây tại Quảng Nam gây ít nhiều ảnh hưởng trong hàng sĩ phu nho học lúc bấy giờ thì tại xã An Tráng (*sau gọi là Tráng Sơn*) thuộc quận Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam có nhiều biến động không giống như bất cứ nơi nào tại tỉnh này. Cũng nên biết xã An Tráng, tổng Đông An, phủ Thăng Bình lúc bấy giờ là một làng nằm sâu trong miền núi nên việc khai hóa rất là khó khăn nhất là những nhiều nương ngày quân Pháp xâm lược còn để lại những dấu tích trộm cướp giết chóc, mà cho dù cách cai trị có nghiêm khắc đến đâu, những tệ đoan kia cũng không thể tiêu trừ hết được. Lại nữa nơi đây núi non hiểm trở, nhiều hiện tượng ma quái xảy ra khiến dân làng phải sống trong cảnh hãi hùng đêm cũng như ngày!

Giữa cảnh huống đó, trong làng có hai gia đình một gốc Minh Hương họ Huỳnh và một gốc Việt họ Trần.

Gia đình họ Huỳnh thì nghèo lại sinh được người con rất ham học, có chí mộ đạo, sau này là thầy đồ Huỳnh ngọc Trác. Gia đình họ Trần thuộc hạng hào phú, sinh được người con rất cương trực, hiếu nghĩa, trọng đức lại ham mê các cải cách chính trị, sau này là Lý trưởng Trần nguyên Chất. Hai ông đã sinh ra và lớn lên trong lối giáo dục Khổng Mạnh, tuy không được sự uốn nắn ở địa phương, nhưng đã do sự đưa đẩy của tinh thần cựu học còn được sâu đậm tại đây qua nề nếp nho phong của gia đình.

Ông Trần nguyên Chất là người có nhiều đảm lược. Thuở nhỏ mới 5 tuổi đã dám bảo người lớn cõng trên vai để chỉ đường đến nhà người bà con trong khi người này không biết chỗ cứ sợ bị lạc đường. Năm 27 tuổi, trong làng gặp cảnh đói khổ do ảnh hưởng của trận đói năm Canh Tý (1917) ông đã thay thế người anh đương kim lý trưởng đang bị bệnh nặng để trình sự thuế má khó thu cho đủ tại phủ đường. Quan Tri phủ có tính hách dịch, nhưng trước sự đối đáp của ông đã đổi giận ra vui và có ý định khuyên ông Chất nên tham chính. Và thế là hai năm sau (1920) ông được đắc cử lý trưởng xã An Tráng, nơi đang bị khốn khổ vì nạn đói kém.

Bên cạnh xã An Tráng có xã Tiên Lâm thuộc huyện Tiên Phước trước mấy năm có ông Lê Du, một vị Lý trưởng có tư tưởng độc lập tiến bộ, đã cải tạo một xã quê mùa thành một ngôi làng thịnh vượng, trù phú với các lối canh tân Âu hóa như trường học, nhà thương chợ búa, đường sá mở mang rộng rãi, nông dân được chia cắt ruộng đất, thu hoạch hoa lợi đồng đều khiến cho không còn kẻ bần cùng, cũng không có người quá giàu... Sự việc này đã ảnh hưởng đến ông Trần không ít. Cho nên, khi nhận chức lý trưởng thì ông liền áp dụng mọi cải cách theo tinh thần đó tại xã An Tráng với kết quả không kém!

Ông cũng áp dụng một chương trình khai dân trí bằng cách mở một liên trường tại xã và kêu gọi các xã liên hệ mở rộng một con đường liên tổng quanh co uốn khúc theo từng địa thế của miền núi nối dài từ Việt An đến An Tráng, được xây đắp hoàn thành dưới sự điều khiển của ông Trần nguyên Chất. Do đó với chức lý trưởng, ông được cử làm Đại Tổng Mục hàm Cửu phẩm để tưởng thưởng công trình kiến tạo tại địa phương ấy!

Tuy nhiên, vấn đề không phải chỉ có thế mà căn duyên của ông là chỗ ngộ đạo sau này. Cho nên cũng trong thời kỳ đường hoạn lộ đang lên như điều gặp gió, có tiền của, có chức phẩm thì lại bị tai biến trong gia đình liên tiếp: gia súc chết hàng loạt, nhà bị cháy dù không nhóm lửa, nhiều chuyện không may đưa đến cái chết bất đắc kỳ tử cho người trong nhà như treo cổ tự tử, một cái chết mà chính bà vợ ông phải chịu. Ông đã phải sống cái sống cực kỳ căng thẳng bởi hai tính cách đối nghịch cùng lúc diễn ra như thế, một bên là danh vọng tiền tài dư dả sung túc, một bên là tai họa biến cố liên miên... Trong khi đó thì ông Huỳnh ngọc Trác vốn là nho sinh đã thọ giáo với cụ Tú Dương ở Việt An, một thôn trong xã Hiền Lộc, sống lẫn quất trong gia đình cùng trong thôn xóm, cách nhà ông Trần không quá hai cây số. Vốn sinh ra trong cảnh bần bạch, ông Huỳnh đã phải bươn chải để sinh kế gia đình bằng nghề dạy học hoặc ở tư gia hoặc tại tư thực của ông.

Thời gian này, ông Huỳnh vốn chuộng sự giao du rộng rãi, đã giao thiệp với hàng trí thức Nho học ở phố Hội An, nhất là người Trung Hoa như ông chủ tiệm Quảng Phước Đường nên đã được dịp mua nhiều sách báo do các sĩ phu học giả Quốc Dân Đảng Trung Hoa, xuất bản tại Hồng Kông, Thượng Hải, Ông để tâm nghiên cứu nên Nho học uyên bác với nhiều kiến thức Tây phương tân kỳ!

Ngôi trường tư thực tại nhà ông ở An Tráng được thiết lập một cách mới mẻ, lối dạy thì chú tâm vào Nho học nhưng với tinh thần giáo dục Tây phương. Ông thường cho nam nữ môn đồ sinh hoạt chung không phân biệt. Lại có những cuộc mạn đàm ngoài trời không khác các cuộc du thuyết của các hiền triết Tây phương bằng những cuộc nhàn du, qua thôn xóm với đám sinh đồ để trao đổi những mẫu tư tưởng trước cảnh vật thiên nhiên. Cùng lúc, ông thực hiện sự cứu giúp dân làng một cách trực tiếp và hiệu quả mỗi khi thầy trò vào nhà dân thấy cảnh khốn cùng.

## *Đông Tân*

Phía trước ngôi tư thực là ngôi từ đường của gia tộc Huỳnh. Lối thờ thì không giống ai bởi cách trình bày bàn thờ chia làm ba cấp: trên thờ Trời, giữa thờ Đất, dưới thờ Ông Bà. Phía trong cùng có một khung bài vị lộng kiếng với hình đồ Bát Quái. Phía ngoài bàn thờ có hai câu liên ý nghĩa rất đặc biệt:

- *Thờ những vị Trời cha Đất mẹ, anh Chấn đến chị Cấn, dì Tốn đến cô Đoài, u hiển tinh thần, ngôi báu thái hòa trong sáng thế!*

- *Cúng những vật tửu thổ gân ô, giáp Mộc đến canh Kim, dương Mồ cùng âm Kỷ, hình hài vũ trụ, ngọn đèn trí huệ quả hoa tâm!*

Hai câu trên biểu lộ một quan niệm mới về đạo học, vũ trụ, không còn cái không khí bí mật như ngày xưa với đạo giáo mà chính những bí mật ấy đã bộc lộ hoàn toàn trong tinh thần của người cầu học bởi một tâm linh trong sáng và một trí tuệ phi thường! Có được hai thứ ấy thì vũ trụ ở trong tầm quan sát của mình và sự thờ cúng chỉ là biểu hiện hai sắc thái đó có gì xa lạ đâu?

Một con người như ông Huỳnh sống trong ngôi làng có một Lý trưởng họ Trần như thế thì sự tương thân tương đắc trong nhịp đồng khí tương cầu là lẽ dĩ nhiên. Thật sự thì hai ông tuổi tác chênh nhau không nhiều<sup>4.7</sup> nhưng với đức độ khiêm cung, hai ông đã đãi nhau như khách mà độ quý mến nhau tưởng như đã có từ kiếp trước.

Thế nên, hoàn cảnh đầy ngang trái của ông Trần làm cho ông Huỳnh không yên tâm. Do đó, ông bàn với ông Trần nên cầu sự gia hộ ở cõi Vô hình bởi ở thế gian này, sự bất lực đã thấy rõ.

Về giai đoạn này, hàng môn đệ của ông Huỳnh có ghi như sau:

*"Nhìn sự biến cố hoạn nạn, trước sự tương trợ tương cầu, Huỳnh Tiên sinh nhận thấy không gì hơn chỉ có pháp môn duy nhất là nung sôi chánh khí mới trừ tà khí được, nên hai tiên sinh hội ý nhau thiết bàn thờ Quan Thánh trì tụng kinh Ông. Sau đó thấy có hiệu quả nên lòng chí kính chí thành càng tăng. Pháp ăn chay và cầu nguyện bắt đầu từ đây.*

Đương thời này có ông Nguyễn Mậu Công (tục gọi thầy Vân) là một nhà hào hũu, có hiểu một phần về nho y lý bốc, từng giao thiệp với các nhà trí thức khắp nơi, lại là một phần tử trong các bộ phận ái quốc. Nhờ sự giao thiệp rộng rãi nên có người bạn tặng cho ông quyển kinh Công Quả Cách. Sau khi nghiên cứu kinh ấy, lòng tự giác hiện ra, ông thấy chỉ có tu mới vượt qua bao nỗi đau khổ của trần gian. Vì thế, Mậu Công Tiên sinh đã thọ giáo Minh Sư trước đó không lâu. Đốm lửa vừa nhen, lại được tưới dầu, sự chí kính chí thành của Trần và Huỳnh Tiên sinh gặp được ông Mậu Công chỉ vì cách thức tu trì, cách tầm sư học đạo, lại nhằm lúc ông Thiệu Võ (tục gọi là thầy Bảy Phú Mỹ) là người bà con

---

4.7 Ông Huỳnh sinh năm 1898 - ông Trần sinh năm 1893.

*Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*

với Trần và Huỳnh Tiên sinh đang dạy học tại nhà ông Mậu Công, cả bốn người tâm đầu ý hiệp hay nói chuyện cầu Tiên.

Bởi sẵn chí thành nên Thiêng Liêng cách cảm, chức vị Thần Tiên giảng dạy rất nhiều, song không còn, chỉ nhớ hai câu thi của đức Quan Thánh như sau:

Mê đồ tự hữu dương châu ngoại,  
Thực phước tu tâm hảo địa trung!

Và bài tứ tuyệt của đức Phạm ngũ Lão như sau:

Dịch đạo truyền lai nhứt tự thi  
Kiết trung hồi lâm tự tâm tri  
Chí thành thuần thiện Thiên trường tập  
Nhược thị ngu ngoan hồi họa trì!

Thế nên nhờ sự giác ngộ hồi đầu, nhờ sự dạy bảo của các đấng Thiêng Liêng, nhờ sự chỉ vẽ của Mậu Công và Võ văn Tuyển Tiên sinh<sup>4.8</sup> vốn đã thọ giáo Minh Sư từ Tây Thiên Tự (khoảng Giáp Dần năm 1914), Trần và Huỳnh Tiên sinh đã thâm nhiễm mùi đạo Minh Sư, đã nhập môn cầu đạo vào ngày 25/2 Nhâm Tuất tại tư gia qua sự khai thị của Võ xương Kinh Tiên sinh. Cụ Võ xương Kinh tục gọi là thầy Chín ở Phú Bông, đồng thời với các cụ Đoàn thanh Phương và Nguyễn đức Uýnh ở Trà Kiệu cũng có công hướng dẫn hai tiên sinh không ít.

Từ ông Trần nhập môn cầu Minh Sư, chức vụ Lý trưởng vẫn đương quyền tại xã, một mặt lo đạo, một mặt lo đời một cách rất tích cực.

Khi hai ông Trần và Huỳnh nhiễm thâm đạo vị Tam giáo thì việc kiến thiết ngôi chùa được đề ra. Thế là hai ông được ông Trần Kiết, vốn anh em thúc bá với ông Trần, hiến cúng miếng đất tư ở thoải thoải sườn núi tại suối Bờ phía Tây xã An Tráng, lại được hương chức xã An Tráng đồng ưng thuận hiến cái đình làng bằng tranh lúc ấy để làm chùa. Nhân dân trong xã nô nức đến công quả nhưng vẫn được thù lao do thân mẫu ông Trần là bà cụ Nguyễn tịnh Yến phát tâm hiến cúng. Việc kiến thiết ngôi chùa này được Tri phủ Thăng Bình lúc bấy giờ là Phan thúc Ngô phê chuẩn với tinh thần hỗ trợ tôn giáo. Đó là ngôi An Tráng Tự khánh thành vào ngày mùng 8 tháng 2 Giáp Tý (1924)."

Thời gian này hai ông Trần và Huỳnh cũng đã thức tỉnh tinh thần đạo nghiệp vị nhơn sanh bằng cách mở thêm một trường học ở cùng nền chùa do cụ Thiệu Võ đến dạy học và thuyết giảng kinh Tam giáo. Hợp lực có cụ Võ xương Kinh nên số môn đồ nhập môn trong năm đầu có đến trăm người. Đồng thời ông Trần có tổ chức các cơ sở nông nghiệp thu hoa lợi cung ứng cho việc công ích tu học hàng tháng tại chùa. Cơ sở càng ngày càng khuếch trương. Trong năm 1927 đã có ba nhánh lớn là:

---

4.8 Thân sinh cô Võ phi Yến, chức sắc nữ phái Hội Thánh Truyền giáo Cao Đài sau này.

### *Đồng Tản*

- Hòa An Tự tại quận Tiên Phước<sup>4.9</sup>
- Tùng Lâm Tự tại quận Thăng Bình<sup>4.10</sup>
- Đức An Tự tại quận Thăng Bình<sup>4.11</sup>

Đồng thời có thêm 28 nhóm tu nhỏ qui tụ ở các xã trong các quận kể trên có đến ngót ngàn người.

Người du khách thời ấy khi đến viếng quang cảnh nơi đây không khỏi trầm trồ khen ngợi một công trình canh tân khai trí xã hội có hiệu quả tốt đẹp.

Tinh thần cầu học này được bộc lộ nơi hai câu đối đề ở cửa trường dưới ba chữ **Tu Tịnh Đường** trên ngưỡng cửa:

- *Vật vi dĩ dân tộc lịch sử vô quan, tâm túy Âu bì vong Á tủy,*
- *Tu thức đắc cổ văn kim lai nhất lý, căn bồi cụu căn dưỡng tân nha.*

Ông Lương vĩnh Thuật dịch:

- *Chớ bảo dân tộc với lịch sử không liên quan, đừng vội say đắm văn minh của Âu Tây mà bỏ quên tinh thần cốt tủy của Á Đông.*
- *Nên biết được xưa nay qua lại vẫn nhất lý, nên vun bồi những gốc cũ để nuôi dưỡng mầm chồi mới!*

Ngay trước bàn thầy dạy cũng có hai câu:

- *Cổ nhân hà tặng bạc duy vật, nệ duy tâm, chế sản phân điền chơn Thánh túy!*
- *Ngô bồi đảm đương hấp kỳ thanh, trừng kỳ tộ, biến thông thần hóa, hoạt kinh văn!*

Ông Lương vĩnh Thuật dịch:

- *Người xưa nào có nhẹ duy vật, nệ duy tâm, tiết chế tài sản, phân chia ruộng đất, cũng chính là cốt tủy của Thánh nhân!*
- *Nay bọn ta đảm đương nên hấp thụ tinh hoa, lọc bỏ cặn bã, sự vật phải biến thông, tinh thần phải dụng hóa, kinh văn phải hoạt bát cởi mở!*

Theo lời ông Trịnh thanh Thản, một thanh niên có mặt tại đây thì khi xin lập thành ngôi An Tráng Tự, viên tri phủ họ Ngô có sự trợ lực như sau:

*"Trong lá đơn xin khánh thành ngôi chùa có đề hai chữ "đa nhơn" tham dự, ông Phủ bảo sửa lại và bỏ hai chữ này bởi theo ông thì ngày lễ đương nhiên là có nhiều người rồi, không cần nêu ra thì ông mới phê đơn cho phép được. Đồng thời ông Phủ cũng đi đả một câu liễn qua ông Nguyễn công Liên như sau:*

---

4.9 Sau này là Thánh Thất Trung Hòa.  
4.10 Sau này là Thánh Thất Khánh Vân.  
4.11 Sau này là Thánh Thất Trung Nguyên.



### *Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*

*Tổ quốc thượng tôn, tam giáo phổ,  
Từ hàng tiên độ, nhứt phương dân!"*

Nghe đâu hai câu này được in trên cột chùa, nhưng những biến cố sau đó đã xui đến việc đục bỏ đi vì viên tri phủ sợ liên lụy!

Sự thành lập ngôi Tam Giáo Tự và ngôi trường tại đó đã gây ảnh hưởng rất sâu rộng gần như một phong trào cầu học cho đám thanh niên ở các phủ huyện Thăng Bình, Tiên Phước, Quế Sơn gần đó. Số học viên càng ngày càng đông tạo nên một khí thế sôi nổi hào hứng cho dân chúng khắp nơi, nô nức với nếp sống thịnh vượng ở xã An Tráng không ít.

Do đó, năm 1931, có lệnh mật của địa phương qua một Đạo dụ của Bảo Đại: "*Cao Đài dữ Cộng sản vô dị!*". Tuy Tam giáo không có tương quan trong tổ chức và nguồn cội với Cao Đài giáo nhưng cũng chịu ảnh hưởng như Cao Đài. Bởi thế, Huỳnh Tiên sinh và hai nữ tu<sup>4.12</sup> ở chùa cũng bị bắt về phủ đường, cũng do lệnh Quan phủ Ngô buộc phải thi hành lệnh trên, chính bản thân ông phải làm mặc dù trước đó ông đã cho trì hoãn lệnh này. Ông Ngô không còn biết cách gì để đỡ hộ bèn đề nghị lên tỉnh đường là nên buộc hai cô đi lấy chồng là hết tu. Nhưng Tổng đốc Quảng Nam thời ấy là Ngô đình Khôi, vốn có cảm tình với các cụ nên đã tha ông Huỳnh và hai cô ra với lời mĩa: "*Không cho người ta tu thì thôi chớ bảo lấy chồng làm chi!*".

Trong thời gian này có nhiều sự việc xảy đến. Vì sự thể chính trị, ngôi chùa trước đây đổi ra là Tam Giáo Tự nay buộc phải lấy tên cũ là An Tráng Tự khiến cho một số môn đồ có ý sợ sệt, nên hai ông Trần và Huỳnh bèn nghĩ đến cách chứng tỏ tính chất tôn giáo thuần túy bằng sự thiết lập một ngôi miếu thờ đức Khổng Tử gọi là Văn Chỉ ở sườn đồi thoai thoải cạnh tư gia ông Huỳnh vào năm 1930. Tại đây cũng có một trường học và một ký túc xá bằng ngói rất khang trang thu hút một số sĩ đồ ngót vài trăm người.

Nói đến lực lượng Tam giáo tại Thăng Bình, không thể không đề cập đến một nhân vật thứ ba, hiệp với ông Trần và ông Huỳnh không khác ba ông bạn đào viên kết nghĩa ngày xưa. Đó là ông Phan sĩ Nhiếp còn gọi là Phan thiện Trì, người làng Hiền Lộc, cũng đồng thời cầu đạo Minh Sư một lúc với hai ông, vốn cũng bạn đồng song nho học với thầy học, cụ Tú Dương tại Việt An ngày trước. Ông là con một của gia đình cự phú tại làng, nhưng bản tính khoáng đạt, ưa những thú vui săn bắn và cũng có giao du rộng rãi với hàng thức giả đương thời nên sự kết giao tình nghĩa của ba ông thật chặt chẽ sâu đậm. Họ đái nhau như khách nhưng thân mật không ai bằng. Cho nên khi hai ông Trần và Huỳnh thiết lập ngôi Tam Giáo Tự ở An Tráng thì tại Hiền Lộc, ông Phan cũng thiết lập ngôi Tam Giáo Tự tại tư gia ông Phan tri Kính.

---

4.12 Cô Võ phi Yến và cô Dương thị Viên.

Thời gian giao hảo Trung Bắc, ông Huỳnh đã liên lạc với các nhà trí thức đạo học như ông Lê đình Thám ở Huế và sư Nguyễn hữu Kha<sup>4.13</sup> ở Hà Nội. Đặc biệt sự gặp gỡ giữa hai ông Huỳnh và cụ Phan Sào Nam, đang thời gian bị an trí tại Huế vào năm Quý Dậu 1933, đã đánh dấu sự tâm đắc giữa hai người: một bên là nhà chí sĩ Cách mạng, một bên là nhà nho học kiêm đạo học uyên bác. Khi ông Huỳnh từ giã cụ Phan ra về, cụ Phan đã ngâm câu ca dao:

*Gió đưa cây cải về trời,  
Rau răm ở lại chịu lời đắng cay!*

Và ông Huỳnh đã đáp lại, cũng bằng ca dao, lẽ cố nhiên các ngài không muốn cho tai mắt lính mật thám biết được tâm sự của hai người:

*Trách lòng con cá lia thia,  
Vực sâu không ở, ở địa nổi chi?*

Hai câu ca dao trên gói ghém hào khí của hai nhà thức giả ưu thời mẫn thế, đậm đà ý vị, một mặt đối với cá nhân tổ quốc, một mặt đối với đạo giáo nhân loại, mà có lẽ chỉ hai ông mới thấm nhập được những uẩn trong đó.

Thế nên trong thời gian này, ba ông Trần, Huỳnh và Phan đã cho con cháu theo học với các cụ tại Huế và Hà Nội, sau này là những thanh niên cốt cán cho công trình xiển dương Chánh pháp Kỳ ba. Đó là các anh Trần Chí, Trần nguyên Khôi, Phan Khanh, Phan thanh Tảo,...

Trong một khí thế nội bộ hòa mục tiến bộ, ngoại giao rộng rãi, khoáng đạt như thế thì con đường sẽ dẫn ba ông về ngã nào, xin mời các bạn đọc giả xem chương sau.

Một sự gặp gỡ không hẹn, từ Linh Quang Tự qua ngã Quảng Đại (*giòng Quảng Huế*) trong số bốn giòng ở Việt Nam tiếp nối chân truyền Minh Sư ở Nam kỳ ra Trung có gia đình ông Chánh tổng Nguyễn duy Trinh, ở làng La Khom, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Ông Chánh Trinh đã có các ông con trai là Nguyễn quang Châu, Nguyễn minh Cửu,... Ông Châu là con đầu lại có căn tu nên đã sớm ngộ đạo Minh Sư từ năm 18 tuổi (1930) qua Lão Sư Trần văn Định tục gọi là ông Lão Đương ở Quảng Đại. Ông Châu đã rất nhiệt tâm cầu đạo nên rất viên mãn qua nhíp cầu sám, đến nhứt nhị rồi tam bộ vừa 23 tuổi. Nơi nhà đề ba chữ Đồng Chơn Tự, ông vốn nhà nghèo nên đã phải sinh kế bằng nghề dạy học tại tư gia với vốn liếng học thức chưa qua bậc trung học. Bởi ông Chánh mất sớm, nên ông phải gánh vác việc gia đình nuôi ba người em. Với chí cầu học tiến tu, ông đã tham khảo các sách báo lúc bấy giờ nên rất am tường các tư tưởng Âu Tây. Năm 1934 - 1935, ông đang kèm trẻ tại nhà ông Trang, nguyên phó Tổng ở làng Dinh Trận, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam và sự nghiệp Đạo Trời bắt đầu từ đó.

---

4.13 Đạo hiệu Thiều Chửu, tác giả Hán Việt tự điển.

Cùng lúc ấy, ở miền Trung du Quảng Nam, tại làng Ô Gia, huyện Đại Lộc có ông Đỗ chấp Trung tục gọi ông Cửu Xoa, đã thọ pháp môn Tam Giáo tại chùa Tây Thiên, đã là nhịp cầu cho môn sinh bước qua ngưỡng cửa Cao Đài giáo ở miền này không ít.

- **Tại Bình Định và Phú Yên**

Trong thời gian này, Bình Định và Phú Yên không có pháp môn Minh Sư được lưu truyền. Thay vào đó, trước khi Cao Đài giáo ra đời, có một nhóm tu gọi là Trung Thiên Đạo do chí sĩ Trần Cao Vân<sup>4.14</sup>, cầm đầu phong trào Cần Vương thời Duy Tân, gốc người làng Tư Phú phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam truyền bá tư tưởng đạo học của mình...

Sự việc được ông Nguyễn Cán, người sở tại kể lại như sau:

*"Vào thời Pháp thuộc năm 1910, tại thôn Chánh Danh, tổng Thạch Bàn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định, tại nhà ông Nguyễn Quỳ và Nguyễn Phục, có cụ Trần Cao Vân và một nhà sư vào thôn Trung Chánh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định. Hai cụ đến ở nhà thầy Ba Lược để dạy học trong mutu đồ mở một mối đạo mới gọi là Trung Thiên Đạo. Ông Nguyễn Quỳ (tục gọi Hương Bộ Đờ) và ông Nguyễn Phục (tục gọi Tri Hương Phục) nghe mối đạo ấy có ý nghĩa uyên thâm mới qui y vào tu và mời hai cụ về nhà để lo việc truyền bá giáo lý và trị bệnh cho dân chúng. Vào lúc bấy giờ có bệnh dịch tả hoành hành, thuốc tây không có, thuốc bắc vô phương nên hai cụ đã dùng ấn in bùa đốt cho bệnh nhân uống thì hết. Do đó, tiếng đồn khắp các xã thôn. Cụ Cao Vân ở Bình Định có gá nghĩa với bà gọi là bà Thầy Tám (hiện còn sống) rất trung thành với đạo của ngài. Dĩ nhiên, chính quyền thuộc địa không thể dung túng sự việc ấy nên đã ra lệnh truy tầm bắt hai ngài, nhưng cụ Trần Cao Vân đã về Quảng Nam, chỉ còn lại nhà sư nhưng đã lần đi nơi khác, lần đến núi Bà (gọi là núi Vọng Phu). Sau đó, đệ tử tìm đến nơi thì mới hay nhà sư đã chết, dấu tích nơi gót chân bị mất một miếng thịt, nên đã lên mua hòm vải lên chôn ngay chỗ đó. Bữa ấy nhằm ngày 19 tháng Chạp âm lịch không nhớ năm nào. Một sự lạ là đến ngày mở cửa mã đến nơi thì thấy cái hòm quật lên mà không thấy xác ngài đâu. Hiện còn giỗ kỵ ngài tại đây. Khi nhà sư đi có để lại nhà ông Tri Hương Phục một tượng Phật Quan Âm nhỏ bằng cổ tay, một xâu chuỗi kim cang 108 hạt, một cặp chuông mõ, ba quyển kinh và một cái ấn để in dấu bùa chữa bệnh.*

Cách một năm sau có ông Võ Trứ ở Phú Yên cỡi một con ngựa trắng (gọi là ngựa kim) từ Phú Yên ra nhà ông Tri Hương Phục xin mượn cái ấn đó về chữa bệnh cho dân lúc ấy đang bị bệnh thời khí. Ông Hương Phục không dám cho mượn. Ông Trứ bèn cầm thế con ngựa kim để làm bằng sẽ giao trả cái ấn lại. Ông Phục mới tin và giao cái ấn cho ông Trứ mang xuống cửa biển Đồ Gi thuê ghe về Phú Yên.

---

4.14 Bị Pháp xử tử hình năm 1916 tại tỉnh đường Quảng Nam.

## *Đông Tân*

Sau đó, cụ Trần cao Vân vào Phú Yên và phong trào Cần Vương tại đây lại bộc phát bởi có sự hưởng ứng của nhân dân, nên hai ông bàn chuyện cướp chánh quyền ở các huyện Đồng Xuân, Đồng Cam v.v... Nhưng cơ mưu bị bại lộ, Võ Trứ bị bắt xử tử hình. Còn ngài Trần cao Vân cùng cụ bà và một số đệ tử bị giam giữ..."

Theo sự sưu tầm của ông Trần công Định thì thời ấy, tại hai tỉnh Bình Định và Phú Yên, mỗi đạo Trung Thiên được tôn thờ hầu hết ở các xã thôn, mỗi nhà đều có treo một tờ giấy làm bài vị trên bàn thờ viết 6 chữ **Trung Thiên** (ở giữa), **Hậu Thiên** (tả) và **Tiên Thiên** (hữu) để chiêm ngưỡng. Sau những ngày tra tấn cực hình, cụ Trần cho biết Trung Thiên đạo là mối đạo do vị Đại Tiên mà cụ đã hân hạnh yết kiến ngày Rằm tháng Tám năm Bính Tuất (1886) tại núi Ngũ Hành Sơn (Quảng Nam), Tiên Ông cho biết tông tích: "Ta là người của Đông Tây Nam Bắc. Hình Ta dễ thấy, hiệu Ta khó xưng. Trời che Ta, Đất chở Ta, Trời Đất sinh Ta định là gì đây?..." Liền đó trao cho cụ một quyển Thiên Thơ rồi biến mất... Sau đó, Bộ chính Bình Định Bùi xuân Huyền kết án cụ về tội "yêu thơ, yêu ngôn, xúi dân làm loạn..." nhưng ban đầu triều đình Huế hạ xuống còn 3 năm tù, cụ bà và đệ tử mỗi người từ một năm đến 7 tháng tù, còn thân sinh cụ tại Quảng Nam bị phạt vạ 45 đồng bạc về tội liên can...

Trong cảnh lao lý khổ não, bên trong tâm trạng u buồn, bên ngoài đệ tử xao xuyên, cụ Trần có làm mấy bài thơ sau báo hiệu mừng tượng cơ xuất phát Cao Đài giáo:

"...Giữ sạch từ đây hết nợ trần,  
Để coi Con Tạo mở ngôi Dền (năm Bính Dần khai đạo)  
Một tay dựng nổi bờ Thiên Địa,  
Muôn kiếp dền xong gánh Tử Thần!  
Mười bốn chặng đường xe trở bánh,  
Ba trăm dư độ ngựa thay dân!  
Tiên Thiên trở lại Trung Thiên đấy  
Ló mặt trời ra mới biết Vân!"

"...Dù gặp khó các con đừng nản,  
Đạo ta còn thầy bạn thiếu chi?"

Chẳng qua:

Ngộ thời nhi, dĩ ngộ thời nhi,  
Dù tri giả bất tri ư cũng mặc!  
Lần trải khắp Đông Tây Nam Bắc  
Vị kêu bằng ngutu mã cũng ừ xuôi...  
Sẽ bạn cùng sơn thủy ngời coi  
Chừng **Thiên Nhân** mở soi rồi mới tỏ...  
Một ông Vô Cực đứng đầu ngôi,  
Tứ giáo vây đồng đủ bốn ngôi..."

Nhưng rõ rệt hơn là những lời khai của cụ sau đây, chứng tỏ cụ Trần đã báo trước sự xuất hiện nền Đại Đạo kỳ ba:

"...Linh Thầy đã dạy, tôi xin khai thật rõ ràng về đại lược của Trung Thiên Đạo.

"Hội này là hội Hạ ngưng mặt pháp, nhân vật hỗn đồng trong thiên hạ vì tài lợi mà phân tranh, cương thường rối loạn, kẻ sĩ mỗi người theo mỗi sự học khác nhau. Ai nấy đều lo cho bản thân mình.

"Ôi thôi! Trung dững đời nào mà đến như vậy? Dân ít thấy lâu dài. Hãy xem trong đạo hiện nay gồm có Tứ giáo. Bạc thông thái ở trên là quân tử, bất quá tùy thời mà thôi. Còn ở dưới là bọn tiểu nơn hủ báng nền đạo... hoặc nắm môn đồ mà khiến thầy chê bạn cười, hoặc chấp một ngụy thuyết mà bỏ vạn điều chơn, chẳng tìm đến cội nguồn, chẳng xem đạo lý. Lẽ ra phải lấy một nhà làm Tôn chủ, lại chia ra làm Tứ giáo cho khác nguồn.

"Lời thầy Mạnh Tử đã dạy: "Đạo chỉ có một mà thôi!" Sách Châu kinh cũng nói rằng: "Nếu không có Thánh nhân, lấy ai làm cái đạo trong thiên hạ, nếu không có Tiên Phật, lấy ai giữ cái cơ của Tạo hóa, nếu không có Thiên Chúa lấy ai quản được các vật quần sanh?" Bởi đem một vị Đại Thánh nhân trong ngô đạo là người thông chương nhân đạo, sáng tỏ nhân luân, kiêm thông cả Trời Đất vạn vật so với một Đại Phật nhân trong ngô đạo là người chưởng quản Đạo Trời rõ biết lòng người với một bậc Đại Tiên nhân trong ngô đạo là người chưởng quản địa đạo mình truyền đạo lý mà nhân đạo vật đạo không việc gì là không hiểu thấu với một Thiên Chúa trong ngô đạo là người chưởng quản vật đạo mình phú vật hình mà Thiên Địa Nhơn tam tài đều thông suốt cả. Kể cả bốn chục chương gồm 12 ngưng hội họp từ thì đồng một lòng, muôn ngành chung một cội. Đầu tiên, bốn đạo cùng chung một Thầy là đức Đại Nguơn Hồng Quân đó. Từ sau chia phái riêng một môn đồ mà cái chân truyền đạo thống nhất nguyên cũng đều đi đến chỗ mình đức tân dân, chỉ ư chí thiện.

"Gần đây, môn đồ các phái không rõ công tâm của Tạo Hóa, không hiểu thâm ý của Tiên Nho, câu nệ theo ý kiến của riêng mình, căn cứ vào lời nói phiến diện mới làm ra sách ngụy công kích lẫn nhau. Thậm chí phái này nói phái nọ là vô phụ, phái nọ nói phái kia là vô sư. Nói thế thì dân ta biết tin cậy vào đâu? Cho nên, tất cả toàn dân trong ngô đạo chỉ vì quên hẳn giáo lý của tổ chung mà làm ra thương tổn hòa khí của Trời Đất, gây ra oan trái sinh chuyện hận thù, bề ngoài thì giả danh nhân nghĩa, bề trong thì tính chuyện ghét ganh, không biết cội nguồn, không tìm tông phái, thù oán nhau, ganh tị nhau, đến nỗi triều đình dần xếp không yên, nhân dân càng thêm thống khổ. Trong đó, bởi ngụy thơ khuấy rối mà ngoài biên khổn sinh rầy.

"Đau đớn thay! Đời càng xuống, người càng suy, thật đáng buồn cho ngô đạo vậy. Nhưng đó chẳng qua là khí số sở nhiên, chứ đạo ta không vì Hán mà hưng, không vì Tần mà mất. Đạo ở trong Thiên lý, trong dân gian vẫn còn mãi mãi.

## *Đông Tân*

"Đến nay hội nhất nguyên đời càng mới mẻ. Đạo gặp gỡ nhau mà thêm sáng tỏ, Lý được Thầy mà thêm rõ ràng, rất quan hệ với đạo ta.

"Tôi thiết nghĩ việc trong thiên hạ có bỉ rồi có thái, có tối rồi có sáng, có hợp thì có khai, có chia thì có hiệp. Nói phân ra thì tứ giáo tuồng như không chủ, một đường mà Nam Bắc rẽ phân, nói hiệp thì muôn nước cùng chung, Đế Thần nghìn thuở vẫn gió mây gặp gỡ. Ngô đạo nhất quán là thế! Ví đem Trung Hoa mà thu lại Tứ giáo cũng như khí Thái cực gồm có lưỡng nghi, tự nhiên mà tứ tượng hóa sanh, muôn vật đều nảy nở. Ở Trời gọi là tứ tượng, ở đất gọi là tứ chúng, ở người gọi là tứ thể, ở đạo gọi là Tứ giáo. Bốn cái ấy không thể thiếu một mà rốt cuộc chỉ là "doãn chấp khuyết trung" chỉ vì người lựa chọn rành với không rành trong cái chân giả mà thôi. Dù cho Thánh trước Thần sau, lòng đây lòng đấy đều lấy đạo trung làm chuẩn đích cho đến ngày nay người trong thiên hạ, bậc làm thầy lấy đạo trung dạy đời, bậc làm vua lấy đạo trung trị đời để cả toàn dân đều cải tà qui chánh, bỏ ngụy theo chơn, tu nhưn đạo, trọng luân lý, đền phong hóa, lập cơ sở, khiến tứ giáo đều theo bản nguyên, ở nhà tu thì lấy thầy mình làm chủ, vào công hội thì lấy thầy chung làm tôn, không giả danh, không làm đời. Nhưng điều dị đoan trong Tứ giáo đều được tiêu trừ để cái đạo nhất thống càng thêm sáng tỏ...

"Tôi thiết nghĩ rằng được thế thì không cần động đến can qua mà Trời thanh muôn dặm, không cần động đến cờ trống mà sấm dậy, xuân sẽ thấy chim suất tánh thì bay, cá suất tánh thì lặn, lưỡng giáo đều được yên lành mà triều đình cũng không cần can thiệp. Đó là đạo thịnh hành mà không chống trái. Cái thịnh trị đời Đường, đời Ngu tuy chưa hứa hẹn mà thiên hạ bắt đầu hưởng cuộc sống thanh bình...

"Nguyên tôi tuân lời Thầy dạy bảo, cứ thật trình bày, trước là đền ơn cho bốn quốc, sau là ngăn những điều xuyên tạc trong tứ giáo cho sáng tỏ đạo trung để cứu muôn dân, để tỏ lòng thành, để soi muôn thuở ngõ hầu đền đáp công ơn sư phụ trong muôn một.

"Đến như thân tôi, dù sao cũng chẳng cần nói đến, vả lại việc làm của chúng tôi đường đường chánh chánh, không phải là những chuyện ám muội, hiện có bằng chứng mà mọi người đều biết. Tôi chỉ làm việc theo lời Thầy dạy không phải chuyện vu vơ... Làm theo nhân nghĩa không phải chuyện tranh giành. Trên xa có Thần mình chiếu giám, trước mặt có Triều đình xét soi. May ra mưa nhuần rửa sạch mây mù, gió nhân thổi tan bụi bặm, tôi xin vạn cảm Ôn Trên, ghi lòng tạc dạ.

Theo lời Thầy truyền dạy, tôi xin ghi thật ra đây, còn bảo Thiên thơ xin đợi giờ Mẹo ngày Rằm tháng hai sẽ phụng giao mình bạch."<sup>4,15</sup>

Tiệc thay Trần Tiên sinh đã phải đền ơn Tổ quốc tại pháp trường tỉnh Quảng Nam năm 1916. Tinh thần Trung Thiên Đạo của Tiên sinh là báo hiệu một chuyển hướng tâm linh xuất phát từ lòng yêu nước và tinh thần cách mạng dân tộc bởi Tiên sinh là một tay lãnh tụ Cần Vương sôi nổi nhất với thành tích

---

4.15 Trích Tập san Lên Đường, giai phẩm xuân Nhâm Tý 1972.

chống thực dân cùng với hai vị vua cách mạng là Hàm Nghi và Duy Tân. Nhưng vận nước khi suy đành mang theo bầu nhiệt huyết, giồng máu anh hùng sục sôi trong huyết quản người dân Việt Nam, tuy cùng một ảnh hưởng chung nhưng ở Bình Định lại được cái may mắn nhận lãnh sứ mạng truyền bá mối đạo mới này, tuy đã bị dập tắt từ trong trứng nước, nhưng ảnh hưởng đến dân xứ dừa này không ít những sáng tạo còn tiếp tục về sau, khi Cao Đài giáo được các đạo tâm lãnh hội chọn truyền từ trong Nam đem ra, người còn ghi nhiều thành tích là ông Huỳnh Thanh, với đạo nghiệp xuất phát từ Thánh Tịnh Đại Thanh, cùng nguồn gốc với Tứ Linh đồng tử ở Quảng Nam, cùng những người vô danh với lứa tuổi thanh niên, nhưng sứ mạng được chia ra nhiều ngã quê hương khác nhau để cuối cùng kết hợp lại thành một hiện tượng tâm linh vô cùng khoáng đại của miền Trung mà không có bàn tay màu nhiệm của Vô hình, không một người nào ở thế gian này có thể làm được cho dù họ có thần thánh hóa đến đâu. Muốn thấy rõ hiện tượng này xin mời chư tôn độc giả xem chương sau.

- **Tại Quảng Ngãi**

Tại Quảng Ngãi có ông Nguyễn Kỳ, biệt hiệu Thạch Động, không rõ gốc gác tại đâu, nhưng có pháp tu riêng, nghe đâu cũng xuất phát từ Trung Thiên Đạo. Ông thường đi đây đó, bận bộ đồ gai, đi chân không, không ăn cơm mà chỉ dùng hoa quả, vượt qua rừng núi không trở ngại. Lại có tài thi văn, có người nói ông có ra đến Huế gặp cụ Hoàng Giáp Nguyễn thượng Hiền, có xướng họa thi thơ với ông này trong đó bộc lộ tinh thần đạo học của mình bằng câu: "*...Tạo Hóa tâm*" khiến cho cụ Hiền rất khâm phục! Và chẳng đây cũng có thể là một nhân vật thời đại không khác nhà sư đồng hành với cụ Trần ở Bình Định chăng?

Đồng thời pháp môn Minh Sư cũng không phải không có tại Quảng Ngãi bởi lúc bấy giờ các nhà tu Tam giáo thường tụ họp tại ngôi chùa gọi là chùa Quan Hiệp<sup>4.16</sup>, Thủ từ là ông Bảy Thế (*em ông Hiệp*), ông Tư Châm<sup>4.17</sup>, cô Ba Nghiêm cùng thọ giáo với đức Thái Lão Trần Đạo Quang tại Linh Quang Tự (*Nam kỳ*).

Trong số những người tu tại đây có bà Võ diệu Trinh, người Mộ Đức đã thọ giáo đức Thái Lão và đã từng hầu hạ bên cạnh cụ sau ngày Linh Quang Tự qui nguyên qua đạo Cao Đài, sau này phục vụ cho phái Tiên Thiên đến chức phẩm Nữ Chánh Phối Sư...

- **Tại Thừa Thiên**

Đất Thần Kinh văn vật này vốn được nuôi dưỡng từ tinh thần Tam giáo, nhưng đặc sản lại là Phật giáo, tuy vậy cũng không ngăn được ảnh hưởng của Minh Sư, dù hai đảng chỉ khác nhau về đường lối tu học, một đảng thì trầm mặc,

---

4.16 Ông quan tên là Hiệp - người kể chuyện không rõ tên họ chính.

4.17 Tục gọi là ông Tư lò rên.

## *Đàng Tàn*

một đàng thì có tính cách bề ngoài.

Sự hiện diện của gia đình cụ Lương trọng Hối, thân sinh bà Lương trọng Tường, sau này chủ Thánh Thất Thừa Thiên, đã thọ giáo Minh Sư với đức Thái Lão Trần Đạo Quang cho thấy cơ sở đạo giáo đã có từ trước làm nền móng cho Cao Đài giáo sau này.

### □ **Tổng kết**

Những sơ lược về đạo mạch trên đây cho thấy khắp các tỉnh miền Nam Trung kỳ thời bấy giờ đều đã có ân phước thọ lãnh chân pháp Minh Sư hoặc Trung Thiên Đạo, khơi động một giòng tu học giữa dân chúng để từ đó quen dần với mùi đạo sau này dễ khứng nạp với trào lưu tu tiến mới của Cao Đài giáo. Chính do những quan hệ này mà Cao Đài giáo đã được truyền bá ra Trung Việt một cách sôi nổi, dù nhà chức trách có dùng bạo lực cũng không thể ngăn cấm sự truyền bá nền Tân Giáo lý được. Muốn biết rõ điều này xin mời chư đọc giả xem các chương sau.

### □ **Tại miền Bắc Việt Nam**

Tại miền Bắc Việt Nam, tinh thần đạo giáo không như ở Nam hay Trung kỳ mà các tôn giáo ở đây đã tạo nên một nền móng khá sâu xa trong lòng các tín hữu đến nỗi họ không cần biết gì khác hơn ngoài cái giáo lý đã có sẵn từ xưa.

Có thể kể hai nguồn sống tâm linh không hoàn toàn thỏa mãn với nhau trong căn bản sinh hoạt đạo giáo tại miền Bắc:

- Một bên, xã hội Việt Nam từ nghìn xưa<sup>4.18</sup> có gốc rễ trong Tam giáo mà ảnh hưởng sâu xa của ba nền tôn giáo Nho Thích Đạo vẫn còn vang vọng trong hàng kinh điển nơi các cụ đồ nho học, nơi các nhà sư mộ đạo hay còn phảng phất nơi các am mà những lễ lạc hàng tháng thuộc loại châu văn trong các cuộc tế cúng linh đình đồng bóng ma quái thần linh đã tạo cho người dân Bắc những tập tục khá quen thuộc mà họ cũng không đòi hỏi gì hơn.

- Bên kia, một số khá đông tạo thành một thế lực tôn giáo thực hành giáo điều Cơ Đốc giáo một cách cuồng tín bất kể phong tục tập quán quốc gia. Đối với tín đồ Da Tô giáo thì không ai có giá trị và quyền hành hơn các linh mục và nhất là các lãnh tụ La Mã. Cho nên, các cơ sở Bùi Chu - Phát Diệm đã được thực dân Pháp nuôi dưỡng từ ngày đặt ách đô hộ đến thời này đã tạo nên những thế lực đi theo họ khiến cho ngoài chính sách thực dân còn có thế lực giáo dân mà người Việt Nam tưởng như là những công bộc của Thần quyền và Thế quyền một lượt, tạo thành một quốc gia trong một quốc gia.

---

4.18 Khác với Trung hay Nam chỉ mới mấy thế kỷ lại đây.



Ngoài hai thế lực cũ và mới này còn có một hình thức tổ chức mới, do Hoàng trọng Phu, nguyên Tổng đốc Hà Đông,<sup>4.19</sup> vào năm 1933 được Toàn quyền Pháp giao trách nhiệm thành lập "*Hội Phật giáo*", Chánh Hội trưởng là Nguyễn năng Quốc cũng là một tổng đốc hồi hưu. Sự việc này do Toàn quyền René Robin chủ mưu cho hai người Việt Nam với dụng ý gì thì họ không biết, điều mà ông Quốc đã nói thật với Phạm tài Đoan, một thanh niên Cao Đài cùng quê với ông. Phải chăng người Pháp vốn được các nhà Khai đạo Cao Đài cho biết giáo lý của Cao Đài giáo không ngoài Phật giáo nên có thể gọi Cao Đài là Phật giáo chấn hưng. Và trên danh nghĩa này, đất Bắc không cần có một Phật giáo chấn hưng thêm vào vì hội Phật có chủ trương này rồi. Cho nên, ta không còn lạ gì với lời lẽ trong bản Tuyên ngôn mà ông Nguyễn năng Quốc đã đọc ngày thành lập hội: "*...Chúng tôi lập hội Phật giáo không có ý định cạnh tranh với tôn giáo nào, mục đích của hội là chấn hưng tinh thần đạo lý của đạo Phật*".

Trên đây là ba sự kiện khiến cho nhà truyền giáo Cao Đài khó ăn khó nói với quần chúng Bắc Việt. Bên cạnh đó, xã hội miền Bắc cho đến đầu thập niên 1930 thì lại càng bi đát bởi sự thất bại của Việt Nam Quốc Dân Đảng do Nguyễn thái Học lãnh đạo khiến cho 13 liệt sĩ lên đoạn đầu đài tại Yên Bái vẫn còn ám ảnh nơi người dân yêu nước như một cơn ác mộng đêm qua. Trong khi đó thì cái sống thị thành càng xa hoa bao nhiêu bởi số thanh niên Tây học mất gốc chạy theo Âu hóa thì tại nông thôn người dân đen chân lấm tay bùn càng cơ cực bấy nhiêu, không biết đến bao giờ mới có được cuộc sống ấm no hạnh phúc!

Nói tóm lại, cảnh sống của người dân miền Bắc đã cơ cực vì cuộc sống lại thêm nổi vất vả của thời tiết nên không còn thiết gì hơn, vì thế mà câu châm ngôn "*có thực mới vực được đạo*" quả không sai.

## **4.2 LỆNH CẤM CAO ĐÀI GIÁO TRUYỀN BÁ RA TRUNG KỲ**

Cao Đài giáo từ miền Nam, vốn là nhượng địa của Pháp, đã lan rộng khắp các tỉnh Nam kỳ trong một thời gian ngắn, còn hai miền Trung kỳ và Bắc kỳ chỉ có chính quyền thực dân bảo hộ bằng các quan Khâm sứ mỗi kỳ và Công sứ đầu tỉnh bên cạnh triều đình Huế thời vua Bảo Đại<sup>4.20</sup> với các quan Tổng đốc từng quyền các bộ tại Huế. Vì thế cả hai chính quyền, một thực dân bảo hộ và một phong kiến, luôn e ngại một sự bành trướng nền Tân giáo đang âm ỉ tại các tỉnh miền Trung khó bề ngăn chặn được.

Từ Trung kỳ Bảo hộ Quốc ngữ Công báo, số 1 năm 1928 có bản thông tư như sau:

*"Tờ Thông tư về giáo Tin Lành và đạo Cao Đài không được đem truyền bá lưu hành tại xứ Trung kỳ."*

---

4.19 Con của Quận công Hoàng cao Khải, người có tội dẹp phong trào Cần Vương, đánh Đê Thám, giết hại các thành phần trí thức yêu nước Việt Nam.

4.20 Lên ngôi ngày 8/1/1926 dù đang du học tại Pháp.

## *Đông Tân*

Ngày 4 tháng 1 năm Bảo Đại thứ 3,

*Cơ Mật viện thông tư các nha tại kinh và các phủ tỉnh đạo tại ngoại:*

*Chiếu theo khoản thứ 13 trong Hòa ước năm 1884 thời được truyền giáo giảng giáo trong bản quốc, duy giáo Thiên Chúa mà thôi, ấy là thuộc về đồng tôn và các ông giám mục, linh mục, giáo sĩ về giáo La Mã mới được truyền thọ giáo pháp.*

*Gần đây nghe được có tân giáo tức là hội Tin Lành và đạo Cao Đài truyền giáo tại xứ Nam kỳ đã nhiều, mới đây đã tràn ra vài tỉnh phía Nam Trung kỳ, nếu hai giáo ấy truyền giáo càng ngày càng nhiều, người tin theo càng ngày càng đông, thời những kẻ hiểu sự không khỏi mượn đó mà làm rối cuộc trị an trong bản hạt mà nhơn dân phải mắc làm, tức như tại Võ Trú và Trần cao Vân năm trước đều nhơn sự truyền giáo mà phiến loạn, cho đến họa cấp bình dân thiệt là gương trước mắt.*

*Vậy nên thương đồng với các quan công sứ, cấm chỉ tân giáo ấy và đạo Cao Đài, chớ cho truyền bá lưu hành trong hạt Trung kỳ; hễ không tuân thời chiếu luật nghĩ trị. Khoản này đã được quý Khâm sứ đại thần ý hiệp. Vậy nên thông tư cho các quan biết mà làm.<sup>4.21</sup>*

Sau đó 7 năm, một bản nguyệt san xuất bản tại Huế Bulletin Administratif de l'Annam (*Tạp san Hành chánh Trung kỳ*) số 12 ngày 10/7/1935 dưới đề mục Actes Officiels du Gouvernement Annamite<sup>4.22</sup> thì có bản thông tư bằng Pháp ngữ nguyên văn như sau:

*"Ministère des Rites*

*No 1194 Hué, le 19 Juin 1935*

*CIRCULAIRE*

*Le Ministère des Rites*

*à Messieurs les Mandarins Provinciaux en Annam,*

*Plusieurs provinces m'ont rendu compte récemment d'une certaine activité de la part de propagandistes caodaistes auprès de la population annamite du Trung kỳ. Je tiens à ce sujet à vous rappeler que la pratique et la propagande du Caodaisme ou Bouddhisme rénové demeurent interdites en Annam en vertu des dispositions de la Circulaire du Conseil du Cơ Mật No 40 du 25<sup>e</sup> jour du 1<sup>er</sup> mois de la 4<sup>ème</sup> année de Sa Majesté Bảo Đại (6 Mars 1928) qui est toujours en vigueur, et qu'en conséquence, les contrevenants s'exposent à des poursuites judiciaires. Je vous prierai de vouloir bien veiller à ce que MM les Chefs de circonscriptions placés sous vos ordres avertissent la population de cette interdiction et que les dispositions de cette circulaire soient strictement appliquées.*

*Vous voudrez bien me rendre compte aussitôt en prévenant MM les Résidents des provinces, de toute manifestation ayant un caractère caodaïste.*

---

4.21 Theo nguyên văn Trung kỳ Bảo hộ Quốc ngữ Công báo trang 6, số 1 năm 1928.

4.22 Quyết nghị công bố của Nam triều.

*Vu, signé: Tôn thất Quảng  
Huế, le 22 uin 1935  
P. le Résident Supérieur en Annam et p.d.  
L'Administrateur Directeur des Bureaux,  
Signé: Patau"*

Tạm dịch:

"Bộ Lễ

Số 1104 Huế, ngày 19/6/1935

THÔNG TƯ

Thượng thư Bộ Lễ

Gởi các quan chủ tỉnh Trung kỳ,

Mới đây, nhiều tỉnh đã phúc trình cho tôi biết về hành động của những người truyền bá đạo Cao Đài đối với dân chúng Trung kỳ. Theo đó, tôi cần nhắc các ông rằng việc theo đạo và sự truyền bá mới đạo Cao Đài hay Phật giáo canh tân đang bị cấm tại Trung kỳ chiếu theo các điều khoản của thông tư của viện Cơ Mật số 40 ngày 25 tháng giêng năm Hoàng đế Bảo Đại thứ tư (6/3/1928) vẫn còn hiệu lực và theo đó các can phạm sẽ bị truy tố ra pháp luật. Tôi yêu cầu các ông nên chú ý đến các điều mà các chủ quận dưới quyền báo cho dân chúng biết về lệnh cấm này và các điều khoản của thông tư trên phải được tuân thủ chặt chẽ.

Các ông có thể thông báo liền cho tôi biết qua các công sứ về những hành vi mang tính cách Cao Đài.

Đã duyệt, Ký tên: Tôn thất Quảng

Huế, ngày 22/6/1935

Thay mặt Khâm sứ Trung kỳ và thay mặt người chỉ định,

Đồng lý văn phòng,

Ký tên: Patau"

Sự kiện trên đây cho biết việc cấm đạo Cao Đài tại Trung kỳ đã do chính phủ Nam triều thời Bảo Đại mà người dân đã biết qua câu: "Nhứt thiết Cao Đài thư tịch bất đắc truyền bá Trung kỳ" đã từ viện Cơ Mật ban hành như thông tư kể trên năm Bảo Đại thứ 3<sup>4.23</sup> mà bảy năm sau mới thông tri cho chính quyền bảo hộ việc này. Nhưng đây chỉ là một hình thức, kỳ thật các quan lại Nam triều thời Pháp thuộc chỉ là bù nhìn mà mọi việc cai trị cả nước đều do thực dân Pháp điều động cả.

---

4.23 Mà bản tiếng Pháp nói năm thứ 4 - dù Bảo Đại vẫn còn du học tại Pháp đến 1932 mới về nước thật sự tại ngôi.

### 4.3 CÔNG CUỘC TRUYỀN BÁ ĐẠO CAO ĐÀI TỪ NAM RA TRUNG VỚI CÁC PHÁI CẦU KHO, TIÊN THIÊN VÀ MINH CHƠN ĐẠO

Giai đoạn này không phải chỉ có sự truyền bá mỗi đạo từ Nam ra một nơi có vị trí địa dư nhất định mà phải nói là một hiện tượng diễn biến đồng thời ở nhiều tỉnh khác nhau tại miền Nam Trung Việt do Chức sắc hướng đạo các chi phái Minh Chơn Đạo, Tiên Thiên theo sự vận chuyển của Vô hình tạo nên.

Công việc nghiên cứu phải hội tụ đủ các hiện tượng này mới phối hợp được sự thống nhất các chi phái để từ đó thành hình một cơ sở gọi là Cơ quan Truyền giáo Trung Bắc Việt Nam từ 1945 trở lại đây.

Các ngã ấy xin lần lượt ghi lại sau đây:<sup>4.24</sup>

- Ngã các tỉnh phía Nam Quảng Nam (*Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên*)
- Ngã các tỉnh phía Bắc Quảng Nam (*Huế*)
- Ngã Quảng Nam

Sở dĩ phải phân ranh như vậy để chú trọng độc giả dễ nhận biết trọng tâm hoạt động của đạo nghiệp miền Trung hơn. Thật ra thì nơi các tỉnh trên đây đã có sự truyền bá mỗi đạo từ Tây Ninh và Bến Tre với hoạt động riêng rẽ, đôi khi trở thành xa lạ, cho dù các cơ sở<sup>4.25</sup> có được thiết lập đối diện nhau hoặc không xa nhau mấy, nhưng không hề có sự liên kết nhau. Phải đợi đến thời kỳ 1945 - 1948 mới có sự gặp gỡ các cơ sở nói trên để thành hình Cơ quan Truyền Giáo Trung Bắc Việt Nam với sự hiện diện của hầu hết nhân vật các chi phái như Tây Ninh, Bến Tre, Minh Chơn Đạo, Tiên Thiên mà tinh thần không chi phái bộc lộ rõ rệt trong một sinh hoạt tín ngưỡng chung, cho dù Tây Ninh hay Bến Tre sau này có phủ nhận sự hòa hợp đó đi nữa thì công cuộc đã trở thành lịch sử chứng minh được sự thống nhất Giáo Hội Cao Đài giáo đã thực hiện hữu hiệu tại Cơ quan Truyền giáo Trung Bắc Việt Nam.

#### □ Ngã qua các tỉnh phía Nam Quảng Nam

##### • Tại Quảng Ngãi

Tại Quảng Ngãi, trong thời gian từ 1939 đã có nhiều tín hữu đủ các chi phái từ Nam ra đã thiết lập các cơ sở tu học theo nền đạo mới nhưng mỗi nơi đều biệt lập trước sự dòm ngó của mật thám và các luật Nam triều như “*Cao Đài dữ cộng sản vô dị*”, hay các quan chức phủ huyện đương thời đang thi hành mật lệnh của chính phủ Pháp Nam. Tuy thế số Thánh Thất thuộc Tây Ninh, Bến Tre

---

4.24 Soạn giả xin chia tạm ra ba phần địa dư sau đây vì tính quan hệ của nó để chú độc giả tiện bề nhìn thấy một đại cuộc đã bắt đầu tuy cùng một nhịp nhưng kết cuộc thì mỗi nơi mỗi khác.  
4.25 Thiên bàn hay Thánh Thất.

hay Liên Hòa Tổng Hội cũng mọc lên rải rác khắp trong tỉnh làm rõ lên làn thanh khí đạo đức mới không che được mắt quần chúng. Cho nên, một số Hướng đạo tuy vô danh nhưng cũng đã bị nhà cầm quyền Pháp Nam sau thập niên 1930 bắt giam cầm hay cho đi an trí khắp các trại ở Trung kỳ như ông Trần Đế cùng 32 tín hữu bị tù như quý ông Trần Nhiều, Trần Hoàn đến nỗi bị chết trong lao cũng như quý ông Lê quang Viện, Lê Đức, Lê Điền, Bùi Tùng thì bị đưa đi an trí tại Trà Khê... Do đó mà các ông đã gặp và biết các hướng đạo Quảng Nam cũng cùng cảnh ngộ và đức độ của mỗi người khiến họ cảm thông và sẽ cùng kết hợp đạo nghĩa sau này.

- **Tại Bình Định**

Căn cứ theo sử liệu đã có, nơi này có hai nhánh trong hai giai đoạn khác nhau từ hai phái Cầu Kho và Tiên Thiên - Minh Chơn Đạo.

***Nhánh từ Cầu Kho - Hội Thánh Tam Quan***

Thời kỳ từ năm 1926 đến năm 1955 là thời kỳ đạo Cao Đài truyền bá ra miền Trung Việt do hai nhóm thuộc phái Chơn Lý Cầu Kho.

*Nhóm thứ nhất:*

Cuối năm 1926, người đầu tiên đem mối đạo Cao Đài về phía Nam Bình Định là anh Nguyễn hữu Phương ở thôn Thượng An. Anh nhập môn tại Thánh thất Cầu Kho Sài Gòn. Khi về Bình Định được gặp những người thân giao cố hữu: các anh Lê Cẩn, Phạm Trinh, Phạm Vĩ, Phạm Đạt, Võ tức Xương, Đào Hiền, Nguyễn Đoan v.v... anh đem giáo lý đạo Cao Đài ra trình bày với các vị kể trên. Những vị này đều là những người thâm Nho nên khi nghe được lễ Đạo rất thích thú đồng thời yêu cầu anh Phương đứng ra hành lễ nhập môn cho quý vị. Sau một thời gian quý anh thu nhận thêm một số anh em mộ đạo tu hành như Nguyễn Cư, Bùi Dư, Nguyễn Phụng, Trần đình Kính, Trần Phú, Phan Quang, Lê Du, Phạm Mua, Phan Khâm, Nguyễn Tạo, Đỗ thanh Bích, Phổ Ấm, Hương bốn Đài, Xã Nung, Xã Bĩ, Lê công Cẩn v.v...

Khi đã có một số đạo hữu khá đông, quý anh cùng chung nhau xây dựng một ngôi Thánh Thất lấy danh hiệu là Thánh Thất Thanh Liêm<sup>4.26</sup> để làm nơi triều bái tín ngưỡng chung.

Kể ra đồng bào miền Trung lúc đó chịu dưới hai tầng áp bức của chính phủ bảo hộ và Nam triều nên cơ Phổ độ đương thời khác hẳn với hiện nay, không thể dùng lối thuyết minh giáo lý hoặc nhóm họp đông người luận bàn đạo đức mà chỉ nhờ Ôn Trên ban bố cho một Pháp môn đặc biệt: Thần giao cách cảm, Tâm giao cách ứng để cầu bệnh, nhất là cơ độ bệnh, cúng đầu mạnh đó và mỗi bệnh nhân khi lành mạnh tự nguyện thành một tín đồ của đạo. Do đó, đạo Cao Đài

---

4.26 Tại thôn Thanh Liêm Đập Đá bây giờ.

## *Đông Tân*

được thì thầm truyền đi khắp nơi từ người này sang người khác, từ gần đến xa những huyền diệu độ bệnh trong trạng thái âm thầm tự nhiên ấy.

### *Nhóm thứ hai:*

Vào năm 1927, người đầu tiên đem mối đạo Cao Đài về Tam Quan Bắc Bình Định là anh Nguyễn hữu Hào, người địa phương gọi là thầy Thiếp. Anh nhập môn cũng tại Thánh Thất Cầu Kho. Khi về xứ, anh cất một ngôi chùa nhỏ trên đỉnh núi làng Trường Xuân thuộc xã Tam Quan bấy giờ để tu và cầu bệnh cho bá tánh. Tại vùng Tam Quan có các ông Phan Nghị, Phan Khánh, Trần Châu, Phan Bồi, Nguyễn đình Đĩnh, Lê hoài Cẩn, Nguyễn phụng Hoàng v.v... Nghe nói sự chữa bệnh rất linh diệu của thầy Thiếp động tánh hiếu kỳ, các anh tò mò đến chùa Cả Thiếp hỏi thăm cho rõ thiệt hư. Vì sợ lậu tiếng, nhà cầm quyền làm khó dễ nên anh Thiếp chỉ rả tai nói tóm tắt: đạo Cao Đài, thời mạt pháp rồi, chúng ta lo tu. Đồng thời anh chỉ cách thờ phượng nơi giữa nhà thay vì Thánh Nhân như bây giờ bằng một bài vị giấy trắng viết chữ Nho: **Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn**. Và anh tặng cho một quyển kinh Nhựt Tụng bảo phải về học thuộc lòng. Thoạt đầu, các anh còn bán tín bán nghi nhưng cũng nhận quyển kinh về xem. Quý anh là người Nho học, bình thường hay làm thơ, viết liễn, thích tụng kinh Quan Thánh nên sau khi đọc kỹ các bài kinh Nhựt Tụng và cũng chỉ vồn vẹn mấy bài kinh đó mà thôi, nhưng lần lần thấy hay quá, trong đó chứa đựng cả một chân lý Đạo uyên thâm, bao hàm cả triết lý tinh ba của Tứ giáo Tổ sư nhất là Nho giáo, nên quý anh rủ nhau đến chùa Trường Xuân nhập môn cầu đạo vào cuối năm Canh Ngọ tức năm 1930.

Sau khi biết được Nam và Bắc Bình Định có đạo Cao Đài thuộc phái Chơn Lý Cầu Kho nên quý anh trực tiếp liên hệ thông cảm nhau để cùng hợp tác chung lo xây dựng cơ đạo. Khi ấy, tại nhà anh Phan Bồi có một ngôi chùa Phật của ông bà để lại, anh vui lòng hiến cho đạo làm Thánh Thất Cao Đài và anh tình nguyện làm Thủ tự nên từ đó người ta thường gọi là chùa ông Bái Lịnh<sup>4.27</sup> ở Tam quan.

Đến ngày 15 tháng 2 năm Mậu Dần (1937) nhằm ngày kỷ niệm Đức Thái Thượng làm lễ công khai đạo Cao Đài miền Trung gọi là lễ kỷ niệm Khai Đạo miền Trung. Bắt đầu từ đó, cơ Phổ Độ được lan rộng nhanh chóng và cũng chỉ có một hình thức cúng kính độ bệnh mà thôi. Hết ngày này sang ngày khác, năm tháng trôi qua, anh em vui say đi cúng kính độ bệnh và xem đó như một Bửu pháp linh thiêng mà Thượng Đế đã dành riêng bố hóa cho cơ Phổ Độ nơi đây lúc đầu. Có những căn bệnh trầm trọng nan y thầy thuốc tây, bắc đều chạy mà quý anh khẩn niệm danh hiệu **Cao Đài Tiên Ông** nguyện cúng vài ba đêm kinh là bệnh nhân thuyên giảm. Có những bệnh điên kỳ lạ hằng ngày ca hát phá táng nhà cửa, vác dao chém người hàng xóm, nhất là làm dữ với các ông phù thủy đến cúng, thế mà anh em đạo đến khua chuông gõ mõ cúng kính vài ba lần tức thì tà ma quỷ mị đều biến mất, bệnh nhân khầu đầu quì trước Bửu điện nghe kinh rồi bớt hẳn. Nhờ sự huyền diệu không tưởng

---

4.27 Bái là Giám tự hay Thủ tự, Lịnh là tên con ông Phan Bồi.

### *Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*

tượng được mà thiên hạ thì thềm đồn đãi gần xa, từ 1 đến 10 đến 100 đến 1000 làm tăng thêm tinh thần phấn khởi cho người đạo ra công lập đức với Thượng Đế trong cơ Phổ Độ. Anh em đi độ bình khắp nơi không ngớt, cơ Phổ Độ ngày càng rộng rãi từ trong xóm làng đến thị thành, từ tỉnh này sang tỉnh khác, rải rác đâu đâu cũng có bóng dáng người áo trắng Cao Đài và cũng bắt đầu từ đó một phen nhà cầm quyền Pháp và Nam triều kinh ngạc rồi nghi ngờ, đổ dồn vào việc mật báo, điều tra, theo dõi ngày đêm không ngớt trở thành tình trạng khó khăn, bắt bớ, giam cầm v.v...

Năm 1932 đến năm 1933 số đạo hữu đã quá đông nhưng không biết làm cách nào để hợp thức hóa công khai mới đạo với nhà cầm quyền để cho nhơn sanh dễ bề sùng bái tu hành. Quý anh bàn luận phái Đạo trưởng Phan Nghị vào Nam tìm đến Thánh thất Cầu Kho đồng thời nhờ quý Anh lớn miền Nam có ý kiến giúp đỡ.

Vào Sài Gòn trước tiên được gặp quý Anh lớn Lê đại Luân, Nguyễn Hoanh, Trần Khả, Nguyễn Phụng, Dương Thông, Huỳnh Đích, Trần Châu, Phùng Quyển, Đoàn văn Ngôi và Trương Thiện là nhóm người miền Trung tu đạo Cao Đài ở Nam thuộc Thánh Thất Tân Định<sup>4.28</sup> bây giờ.

Sau khi hỏi han thăm viếng và lược qua tình hình cơ đạo miền Trung, Anh lớn Lê đại Luân hướng dẫn Anh lớn Phan Nghị đến Thánh Thất Cầu Kho. Ở đây được gặp quý Anh lớn Liên Hòa Tổng Hội Nguyễn Phan Long, Đoàn văn Bản, Nguyễn văn Tường, Trần văn Quế, Vương quan Kỳ, Phan trường Mạnh, Trần thế Tân và Lê văn Sanh v.v... Quý Anh lớn được biết có đại diện đạo miền Trung vào Nam tìm nguồn gốc đạo, nên mừng lắm, tay bắt mặt mừng luân phiên hỏi han không ngớt. Nhưng sau khi đại diện miền Trung trình bày cơ đạo nơi địa phương mình sắp bị trấn áp của chính phủ lương triều, nhơn sanh và các hướng đạo sắp bị bắt bớ giam cầm, yêu cầu nhờ uy tín quý Anh lớn trong Liên Hòa Tổng Hội trực tiếp giúp đỡ ý kiến để cho bốn đạo miền Trung được tự do tu hành như miền Nam không có vấn đề chèn ép nữa. Anh lớn Trần thế Tân cho biết khó lắm, khó lắm! Hiện thời chính phủ Đông Dương cấm đạo Cao Đài không được truyền bá ra Trung kỳ, hễ ai trái lại sẽ bị bắt giải về Nam lập tức. Tuy nhiên, sau cùng Anh lớn có hứa chầm chậm sẽ nhờ Anh lớn Vương quan Kỳ là người có Pháp tịch có thể đi lại dễ dàng hơn người khác sẽ ra Tam Quan thăm một chuyến.

Tiếp theo mấy tháng sau đó Anh lớn Vương quan Kỳ có ra Tam Quan gặp mặt Anh lớn Phan Nghị và một số anh em nữa. Trong lúc đang trò chuyện luận bàn công việc đạo thì có nhân viên Sở mật thám biết Anh lớn là người rường cột đạo Cao Đài trong Nam nên đã mật báo cho Quan phủ và Trưởng đồn Bồng Sơn trực tiếp vào chùa Tam Quan chất vấn: Ngài đến đây có chuyện gì? Buộc lòng Anh lớn phải nói tránh anh là người Pháp tịch đi du lịch, nhân ghé lại đây chơi thăm mấy người quen vậy thôi. Rồi Anh lớn trở về Nam.

---

4.28 Số 53/112 Trần Khánh Dư Quận I Sài Gòn.

## *Đạo Đạo*

Vì nóng lòng cho sự tồn vong của cơ đạo, Anh lớn Lê đại Luân nói với Anh lớn Phan Nghị phải mạnh dạn nhiều hơn nữa, vạn sự khởi đầu nan, có lập đại chí mới nên công lớn. Chúng ta có kiên quyết vì đạo, cơ đạo mới trưởng thành. Cần chọn 30 vị đạo tâm can đảm, xin nhập môn lãnh giấy Phái cấp tại Thánh Thất Cầu Kho và nhận 200 bức tượng Thiên Nhân định ngày Rằm tháng 7 âm lịch (1936), toàn thể đạo hữu đều thượng Thiên Nhân lên thờ một lượt. Dùng đạo phục lễ nghi kinh sách của đạo Cao Đài tại làng nào mời Hương chức làng ấy đến chứng kiến. Cứ tiếp tục theo cái đà ấy, Thiên Nhân gọi về Trung liên tục, tổng kết mấy đợt gần 20.000 Thiên Nhân của Thánh Thất Cầu Kho cung cấp. Bắt đầu từ đó làng trình tổng, tổng trình phủ, phủ bẩm tỉnh, tỉnh thượng sứ, tiếng đồn ra như sấm chớp, tên tuổi Cao Đài loan truyền ra khắp sáu tỉnh miền Trung Việt. Lúc bấy giờ chánh phủ Bảo hộ đã dùng mọi quyền lực trấn áp thẳng tay bằng mọi cách: nào đánh đập mang thương tích, nào bắt đạo hữu giải lên phủ tống giam, nào triệt hạ Thánh Nhân không cho thờ, nào tịch thu hết kinh sách, nào phạt vi cảnh từ 10 đồng đến 60 đồng, nào phạt tù từ 6 tháng đến 1 năm, 2 năm, 3 năm hay 5 năm khổ sai. Chúng tôi còn nhớ bốn đạo bị bắt giải lên phủ, tri phủ Bồng Sơn là Phan đình Huýnh lớn tiếng nói với đạo hữu rằng: "*Các anh muốn tu theo đạo Cao Đài thì vào Nam mà tu, ở đây đức Hoàng đế Nam triều cấm chỉ: Nhứt thiết Cao Đài thư tịch bất đắc truyền bá Trung kỳ*".

Tuy vậy ý Trời đã định, lòng người xuôi nên, hễ càng bắt bao nhiêu thì đồng bào đến nhập môn xin tu hành càng đông bấy nhiêu, đó cũng là điều an ủi tinh thần cho bốn đạo tăng trưởng đức tin lên một mức nữa.

Đối với những gì nhà cầm quyền Pháp vu khống cho tín đồ Cao Đài thì nhà đạo đều có giấy tờ xác minh tất cả những điều bị phao vu này là hoàn toàn hợp pháp. Anh lớn Lê đại Luân thay mặt cho bốn đạo miền Trung nhờ quý Anh lớn trong Liên Hòa Tổng Hội làm đơn gửi cho Hội Nhân Quyền ở Sài Gòn và Hội đồng Nhân Quyền Pháp yêu cầu bên vực và can thiệp với chánh phủ Đông Dương cho phép đạo Cao Đài Tam Quan được hưởng quyền tự do tín ngưỡng, một mặt gửi thơ qua ông Gabriel Gobron quận Rethel bên Pháp, yêu cầu can thiệp tại nghị trường Pháp. Ông Gobron đem đăng lên các báo chương bên Pháp những vụ đàn áp đạo Cao Đài nơi miền Trung liên tiếp 2 năm 1936 - 1937.

Lúc bấy giờ tại Nghị trường Pháp, Nghị sĩ Moutet can thiệp gửi Thông tư qua chính phủ Đông Dương mở cuộc điều tra. Hội Nhân Quyền Pháp cũng gửi Thông tri qua Trung Việt mở cuộc điều tra thêm. Tiếp theo đó, ông Chautemps làm Phó Thủ tướng, ông Georges Mandel làm Tổng trưởng Bộ Thuộc địa thông tri qua chính phủ Đông Dương bảo phải cho đạo Cao Đài hưởng quyền tự do tín ngưỡng và được phép hội họp từ 20 người trở xuống.

Tuy thế vẫn còn ở trong phạm vi chật hẹp khó khăn, gia đình nhơn sanh chưa thể về tín ngưỡng nơi Thánh Thất đông đảo được, nên tất cả còn phải can



### *Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*

đảm đòi hỏi thêm để công khai Thánh Thất Trung Ương tại nhà anh Phan Bồi.

Năm 1937, các ông chọn người trong 6 tỉnh: Bình Định, Quảng Ngãi, Kon Tum, Plei Ku, Phú Yên, Khánh Hòa, 12 vị đứng đơn gửi lên nhà cầm quyền xin công khai Thánh Thất Trung Ương tại Tam Quan và gửi đơn xin tới:

1. Quan Toàn quyền Hà Nội.
2. Quan Khâm sứ Huế.
3. Quan Khâm sứ Qui Nhơn.
4. Quan Tri phủ Bình Sơn.

Mười hai vị đứng đơn này còn lưu danh kỷ niệm trong lịch sử thống nhất đạo miền Trung như Anh lớn Phan Nghị, Anh lớn Nguyễn định Đình, Trần đăng Hinh, Phạm Ty, Trần Chương, Trần duy Dẫn, Trương Nhẫn, Trần Châu, Phạm Lục, Lê Cẩn, Phan Khánh và Phạm Đạt. Đơn nhờ quý Anh lớn Liên Hòa Tổng Hội thảo ra bằng Pháp văn, đánh máy trên giấy tín chỉ, gửi bảo đảm đơn trần không bì đến tận tay nhà cầm quyền ký nhận rồi nhà bưu điện gửi trả chữ ký của mỗi cơ quan đã nhận đến quý Hướng đạo cất giữ. Khi đã nhận được chữ ký của nhà cầm quyền rồi mời toàn đạo trong 6 tỉnh về tại Tam Quan làm lễ Hoát khai Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, lập Thánh Thất tại nhà anh Phan Bồi là Thánh thất Trung Ương của Thống đạo vào ngày Rằm tháng 2 năm Mậu Dần (1937). Trong Nam, Liên Hòa Tổng Hội phái 2 Anh lớn Phan trường Mạnh và Lê văn Sanh ra dự lễ và kỷ niệm một tấm chẩn thêu 4 chữ lớn "**Hoàng Khai Đại Đạo**".

Tuy cơ đạo đã được một bước tiến khả quan, nhưng bốn đạo rải rác khắp nơi miền Trung còn phải lo lắng thêm nữa để lần lượt công khai từng Thánh Thất tại mỗi địa phương nhiều đạo hữu để thuận tiện việc tín ngưỡng.

Cũng như phương thức trên các Hướng đạo làm đơn và chọn người cầm đầu trong mỗi tỉnh, mỗi Thánh Thất đứng xin công khai cho Thánh Thất mình. Năm 1939, Thống Đạo Thánh Thất Trung Ương gồm có các Thánh Thất: Phụng Sơn, Mỹ Nam, Quán Rườn (*Thuận An*), Mỹ Thọ, Long Hòa, Tăng Long, Thanh Liêm, Tuy Phước, An Nghiệp (*Phú Yên*), Sa Huỳnh, Hoài Ân, cộng tất cả 19 Thánh Thất tổng số đạo hữu nam nữ trên 38000 người.

Đáng vui mà cũng đáng buồn cho Cơ đạo khéo trở trêu, đầu năm 1934, chính phủ Nam triều bắt một số Hướng đạo miền Trung như Quý Anh lớn Nguyễn phụng Hoàng, Nguyễn định Đình, Nguyễn hữu Cửu, Nguyễn hữu Toàn, Nguyễn hữu Tấn, Võ Cát, Mai xuân Phương, Lê Nhi, Huỳnh Khâm, Lê Cẩn, Phạm Đạt, Đào Hiền, Phan ngọc Mỹ, Nguyễn Phụng, Lê chơn Nho, Võ thượng Tể, Võ khắc Cang, Nguyễn nhựt Tân và Võ Hóa<sup>4.29</sup> riêng Anh lớn Lê Khái thì ẩn nấu không lộ

4.29 Sau bị chết tại lao Qui Nhơn.

## *Đông Tân*

diện, còn tất cả đều đưa về giam giữ tại lao Qui Nhơn đến tháng 2 năm 1945 mới thả về, riêng Anh lớn Phan Nghị bị đày lên Đắc Lắc một thời gian nữa. Tuy vậy, số bốn đạo anh em còn ở nhà vẫn tiếp tục tu hành không chán nản.<sup>4.30</sup>

Thế rồi trải qua thời gian thăng trầm hưng phế từ 1945 đến 1960, một cơ ngơi được thành hình trên mảnh đất tư mua lại của ông Hoàng đôn Đế tại Tam Quan đã cất lên một Thánh đường đủ Tam đài khánh thành vào tháng 3 năm Canh Tý (1960) với thành phần tham dự gồm quý Chức sắc cùng Đạo trưởng Phan trường Mạnh có thiết đàn cơ, Đức Chí Tôn có cho câu:

*“Nơi Trung Ương dành rành Thầy định,  
Hội Thánh truyền lãnh lĩnh sắc ban,  
Kêu nhau về chốn đạo tràng,  
Cho cơ Đại Đạo mở màn huyền vi...”*

Danh xưng Hội Thánh Trung Ương Tam Quan cũng mở màn từ đó qui tụ khoảng 30 Thánh Thất theo thống kê ở rải rác các tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi, Kontum, Gia Lai, Phú Yên, Khánh Hòa, Lâm Đồng, và như thế Hội Thánh Trung Ương Tam Quan đặt dưới quyền lãnh đạo của phái Chơn Lý Cầu Kho cho mãi về sau này.<sup>4.31</sup>

### **Nhánh từ Tiên Thiên - Minh Chơn Đạo**

Xin kể lại công trình này qua lời tự thuật của nhân vật chính Huỳnh Thanh:

Nguyên anh Huỳnh Thanh, con trai ông Hương kiểm Huỳnh Nghinh, làng Hội Vân, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định, đã học xong cấp I tại làng. Anh có người anh là Huỳnh Nhựt làm nghề điện tại Sài Gòn. Năm 1936, vừa 16 tuổi, anh vào Sài Gòn với mục đích học thêm.

- 
- 4.30 Nguyên văn phần đầu 14/24 trang đầu *Lược Sử Đạo Cao Đài miền Trung của Hội Thánh Tam Quan - Phái Chơn Lý Cầu Kho phổ biến 1975*.
- 4.31 Vào năm 1994 Thánh Thất Nam Thành (*tức Thánh Thất Cầu Kho tái lập*) đã bị một số Hiền tài Tây Ninh muốn áp đặt Thánh Thất này theo về với phái Tây Ninh của ông Tắc (*cụ thể là dàn xếp cho bà Mỹ Thông lên Tây Ninh nhập môn lại*), tuy nhiên vì có những dàn xếp ôn hòa nhưng quyết liệt của Đồng Tân (*nhân dịp được mời làm cố vấn*) mà việc này không thành với lý do là Thánh Thất Nam Thành là Thánh thất chung của toàn đạo thuộc cơ Phổ Độ buổi ban sơ với những nghi thức còn giữ nguyên từ 1926 thì nó không thể thuộc về một chi phái nào được cả. Trong khi đó thì tại Tam Quan cũng có sự tranh chấp giữa hai phe thân chính quyền và phe độc lập đang hồi gây căng. Thế là một phái đoàn Tam Quan vào Nam Thành nhờ đại diện ra dàn xếp. Đồng Tân và Chí Đạt được đề cử đảm nhiệm việc này. Nguyên do, Thánh đường Tam Quan đã bị chính quyền cộng sản tịch thu từ 1975 nay họ đã trả lại, nhưng hai phe trên chưa chịu để cho phe nào nhận trách nhiệm việc tu bổ và quản lý ngôi Thánh đường đang xuống cấp này. Mọi việc chỉ yên ổn khi mỗi bên nhượng bộ một phần theo khả năng của mình. Trong dịp này, theo yêu cầu của các tín đồ địa phương, Đồng Tân đã biếu cho nơi đây một số văn kiện đạo sự giáo lý cần thiết... Sau khi xuất ngoại năm 1995 Đồng Tân không biết hiện tình Hội Thánh Tam Quan ra sao.

### *Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*

Lúc bấy giờ ở Sài Gòn đã bắt đầu có phong trào khủng bố đạo Cao Đài. Vốn là người hâm mộ đạo đức, anh theo dõi tin tức báo chí và được biết ông Lê kim Ty, một chức sắc Cao Đài phái Tiên Thiên có ra tờ tạp chí "*Tiên Thiên Tuyên Bối*" đang bị mật thám Pháp bắt và sắp đưa ra tòa án Sài Gòn xử.

Trong dịp này, anh Thanh đã len lỏi đến tòa án để xem cơ sự bởi tính hiếu kỳ. Nhờ tài biện hộ của luật sư Trịnh đình Thảo, một tín hữu Cao Đài mà ông Ty được trắng án và số báo bị tịch thu được trả tự do. Khi bước ra khỏi tòa án, ông Ty gặp anh Thanh đang chạy theo và nghe giọng nói Bình Định, ông bảo: "*Đấy là con cháu Quang Trung!*" và trao cho anh ba tờ báo về coi. Thế là ba tháng sau, anh Thanh xin nhập môn tại Thánh Tịnh Đại Thanh (*Gò Vấp*). Trong thời gian này, anh có dự biết việc cơ bút Ôn Trên sắp đặt cho bộ phận Tứ Linh đồng tử (*Long Lân Qui Phụng*) nhận sứ mạng về Quảng Nam, và anh có mặt trong buổi tiễn đưa bộ phận này lên đường với lòng nôn nao tư lự.

Thế là anh Thanh không tiếp tục việc học ở nhà trường mà ở nhà lo việc học đạo với chư Hương đạo tại Thánh Tịnh Đại Thanh. Thân sinh anh ở Bình Định nghe tin anh đi tu, cứ nghĩ là anh sẽ theo Da Tô hoặc Phật giáo vốn không được ông ưa thích lắm nên gởi thơ bảo anh phải về Bình Định và dự tính sẽ không tha cái tội bỏ học bất hiếu đó.

Thời gian trôi qua thấm thoát đã hơn một năm, vừa lúc anh phải lo thiết lập giấy tờ căn cước thì lại có thơ nhà bảo anh đừng về Bình Định vì có lệnh tầm nã anh rất gắt bởi anh là tín đồ Cao Đài đang khuyến dụ bà con đi tu theo đạo mới. Lẽ cố nhiên, việc anh trở về Bình Định không thể nào thực hiện được.

Bất ngờ, nhân dịp đầu xuân Kỷ Mão (1939), đang ở Đại Thanh, anh Thanh được lệnh Đức Cao Đài từ Thánh Tịnh Bồng Lai do đồng tử Liễu (*tức Huệ Quang*), dạy phải trở về Bình Định lo việc truyền bá đạo Kỳ Ba. Anh ngỡ ngác với tuổi thanh niên có biết làm gì, lại có bị chính phủ Nam triều truy nã nên cứ chần chờ và lẩn lưa trình bày tự sự với quý Anh lớn. Lần thứ ba có lệnh dạy:

*"Thanh thế cung thiềm quế cũng thanh,  
Cơ đồ duy vật đã phân rành  
Áo kia con mặc qua đầu khởi  
Thì việc Thiên cơ trở bỏ đành?!"*

Không làm sao hơn, ngày 29 tháng 9 (?) năm 1939, anh Thanh phải tuân y Thánh lệnh trở về Phù Cát. Tại Châu Minh, có mặt quý Anh lớn trong hàng Thất Thánh như Nguyễn thế Hiển, Lê kim Ty trong buổi đàn ban hành Thánh lệnh, đức Lý có dạy anh Thanh phải lo thi hành Thiên ý và giao cho anh vị Thần hộ đạo là Võ Tánh và Ngô tùng Châu diu dắt. Liền sau đó, hai vị Thần giáng cơ. Ngài Võ Tánh bảo huyện Phù Cát thuộc địa phận ngài Ngô tùng Châu, nên tiếp theo ngài Ngô giáng cơ xưng là Việt Nam Đại Thần Ngô tùng Châu như sau:

*"Việt quốc vong hàn biết mấy thu,  
Nam giang nước chảy biển đông châu,  
Đại đồng ngảnh mặt hồn trơ lãng  
Thần tướng Ngô tùng khách bạt Châu!"*

Sau đó, ngài dạy anh Thanh trình bày ý nguyện rồi cho bài:

*"29 tường phân cội rễ  
Tháng ngày qua sẽ kể sẽ phân  
Điều chi bạch tấu ân cần  
Lệnh trên sự hiểu mới phân mọi bề!  
Mấy lần đã tường tri mấy nhiệm  
Nay trung đàn nên kiếm nên suy  
Chung tâm sẽ rõ một thì  
Điều chi chỉ dạy nhớ ghi năm lòng!  
Lời bạch tấu trả xong vừa hỏi  
Mãn đàn rồi lựa lại sẽ tường,  
Trong ngoài xem vẫn vô ương  
Dưới trên hòa thuận một đường nên lo  
Thanh tâm phát bởi do ý sợ  
Quang Minh Thần che chở ngày qua  
Vững tâm nương dựa đạo nhà  
Ngày sau sẽ rõ âu ca thái bình!  
Mãn giờ chắc tâm linh đã cạn  
Thành tâm em nên rấn mà nương  
Khuyên em nên vững bước đường  
Ngày sau sẽ gặp đạt chương tên đề!  
Sau trước sẽ đề huề tính lại  
Phận sự tròn cho phải với Thầy  
Lo xong trách nhiệm đủ đầy..."*

Ngài lại còn ấn định giờ Mẹo phải lên đường! Nhưng giờ bán vé xe lửa lại là 4 giờ chiều. Lệnh trên không thể cãi. Anh Thanh mang một xách kính sách gồm các loại kính do Tiên Thiên ấn tống: Tiếng Trống Giác Mê, Thánh Đức Chơn Kinh, Pháp Chánh Truyền, Tân Luật, một mình lủi thủi ra ga Sài Gòn, tìm chỗ đứng dựa vào tường ở quày bán vé. Lẽ cố nhiên anh là người đầu tiên, từ 7 giờ sáng. Thật sự thì quá sớm, nhưng nếu không trực tại đó thì sẽ khó mua được vé vì số người mua vé rất đông!

Gần đến giờ bán vé, có gia đình một ông hình như là công chức cao cấp ngành cảnh sát<sup>4.32</sup> gồm vợ và ba con nhỏ đang di tản đồ đạc đến goong trần và

---

4.32 Vì anh Thanh thấy cái nón kết ông đội.

trong khi loay hoay tính chuyện mua vé thì số người đứng trước xếp hàng quá đông. Ông ta thấy cậu bé đứng đầu dãy thì liền ghé lại hỏi anh Thanh và được biết cũng đang chờ mua vé về Bình Định như mình nên bảo để ông thay chỗ và sẽ mua cho. Thế là anh Thanh được mua một vé trong số ba vé của gia đình ông cảnh sát và được xem như người nhà của ông này mà không cần xuất trình giấy tờ chi cả. Trong thâm ý anh Thanh sợ lộ tông tích về việc này, nhưng như thế đã qua một lượt! Thế là anh Thanh được gia đình ông cảnh sát ưu đãi và bước lên toa xe cùng chỗ với gia đình ông. Trên tàu, anh Thanh phải tìm đủ cách để tránh các bữa ăn mặn sang trọng của gia đình ông ấy bởi anh đã ăn chay trường từ ngày nhập môn.

Thế rồi ga Diêu Trì là nơi gia đình ông cảnh sát đổi tàu chợ đi Qui Nhơn đã đến. Từ trước anh Thanh đã không hề bị xét hỏi bởi mỗi lần như thế, anh được ông cảnh sát bảo lãnh là con mình và cứ giả bộ ngủ lì ra đấy vì anh đã báo cho ông cảnh sát biết là mình không có giấy thông hành. Gia đình ông cảnh sát xuống ga, không quên để số đồ ăn còn lại cho anh Thanh với lý do là từ hồi lên xe đến giờ anh chưa ăn gì cả vì bị bệnh. Sau đó, anh liền đem phân phát cho những người chung quanh ngồi kế cận, ai cũng mừng và đều lấy làm lạ vì cử chỉ ấy, nhưng không ai buồn biết nguyên do là anh ăn chay không dùng đồ mặn...

Anh Thanh đã không xuống ga Phù Cát vì ngại có sự truy tìm, nên đã bỏ sau đó hai ga mà xuống ga Bình Định, nơi quê của người bà con. Và thế là anh được bình yên về đến quê nhà với vali đầy kinh sách. Để tránh sự dòm ngó đương thời trong phong trào Cao Đài đang bộc phát tại đây với các nhóm Tây Ninh và Cầu Kho trước đó, anh Thanh liền đem phân phát hết kinh sách lần lượt cho số bà con mà anh đến thăm trong thời gian 28 ngày. Đến ngày thứ 29, anh về tới Hội Vân là nơi quê chính thì liền bị làng xã bắt giải lên giam tại huyện Phù Cát rồi lên Qui Nhơn, nhà lao tỉnh Bình Định, tại ban Mật thám ba ngày sau đó.

Tại Châu Minh, trụ sở chánh của phái Tiên Thiên, một tháng sau khi anh Thanh lên đường, có lệnh Đức Cao Đài chỉ định hai ông Nguyễn thế Hiển<sup>4.33</sup> và Đoàn văn Chiêu<sup>4.34</sup> phải ra Bình Định gặp. Hai ông do dự trước lệnh đột ngột vì không biết lý do bởi liên hệ việc này nhiều nhất do các ông Lê kim Ty và Trần Lợi, lại đủ gan dạ và thừa mưu lược ứng phó với các thế lực khi cần, lại không được sai đi, nên khi đến Huỳnh Long phủ, nơi đàn tư của ông Ty, có cầu đức Lý Bạch hỏi thì ngài cho bài thi sau đây:

*"Gió đông lạnh lẽo thấu gan đồng,  
Khoát tám hàn y quyết thẳng xông,  
Trả nợ non sông đâu ngại bước  
Đền ơn xã hội dễ nao lòng!"*

---

4.33 Trong hàng Thất Thánh.

4.34 Trong hàng Thất Hiền.

*Thân danh một thuở Trời cao biết,  
Chí hướng đòi cơn thế sự trông!  
Rót máu anh hùng tràn khắp chốn  
Kêu ca quần chúng hội Hoa Long!"*

*Lại dặn: "Hiển, Chiêu! Đến nơi sẽ biết!"*

Nhưng hai ông nào có biết anh Thanh như thế nào, hiện ở đâu, nhà cửa địa chỉ cũng không rõ, dù biết lơ mờ là chuyến đi này để lo cho anh Thanh. Do đó, các ông đến Thánh Tịnh Đại Thanh để tìm hiểu nhưng cuối cùng cũng phải trở lại Huỳnh Long phủ sưu tra mới biết đại khái:

*"Huỳnh Thanh, con ông Huỳnh Nghinh, xã Hội Vân, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định."*

Thế là hai ông phải tức thì lên đường với địa chỉ trên, ngoài ra không có một chỉ dẫn nào khác để thi hành Thiên mạng! Ngày hôm sau đó, hai ông mua được vé tàu trực chỉ ga Phù Cát.

Khi xuống tàu, hai ông không biết đi ngã nào mới hỏi mấy người phu xe thì không ai dám chỉ nhà ông Huỳnh Nghinh vì sợ bị liên lụy nhất là khi gia đình ông này có đứa con "*làm chính trị*" vừa bị bắt giải lên tỉnh. Hai ông không biết làm cách nào, định tìm đến nhà chức trách hỏi thì vào khoảng 5, 6 giờ tối có trận mưa to, người anh thứ sáu của anh Thanh<sup>4.35</sup> trên đường đi thăm anh ở lao mật thám Qui Nhơn cũng vừa về đến nơi. Thế là các người phu xe liền chỉ cho hai ông khách lạ khổ chủ của mình và giới thiệu đủ để hai ông biết liên hệ gia đình của ông Hương Nghinh. Trước sự ngạc nhiên của anh Cầm, hai ông khách liền tự giới thiệu vốn từ trong Nam ra muốn tìm nhà mình, nên rất đổi vui mừng, liền lên ngồi trên chiếc xe kéo với ông Chiêu, còn ông Hiển thì ngồi riêng một xe vì người ông to lớn quá! Hai chiếc xe hướng về ngã Hội Vân cách đấy khoảng 5,6 cây số. Trên xe, ông Chiêu cho anh Cầm biết mục đích của chuyến đi và không lâu đã về đến xã Hội Vân vào khoảng 7, 8 giờ tối.

Trong đêm đó, tám xã lân cận và Chánh tổng sở tại huy động đèn đuốc rước Tri huyện Phù Cát Phạm như Phiên<sup>4.36</sup> về tại xã Hội Vân trong đêm mưa tầm tã. Việc này đã gây một không khí sôi động trong dân chúng vì ai nấy chỉ chờ xem tông tích của hai ông khách lạ mặt.

Tri huyện Phiên ban đầu có vẻ hách dịch, nhưng khi được diện kiến với hai ông khách lạ thì đã đổi thái độ, nhất là khi được biết hai ông không phải hạng người thường. Ông Hiển, đương là Hội đồng Quản hạt tại Nam kỳ có Pháp tịch, còn ông Chiêu thì vốn là Bang biện quận Chợ Lách, một ông thì đối hàm với Tổng đốc, một ông đối hàm Tri phủ, nhất là dân xứ nhượng địa nên Huyện Phiên rất nể vì mặc dù

---

4.35 Tên là Huỳnh Cầm.

4.36 Nhờ dịp này, sau huyện Phiên được thăng Tri phủ Điện Bàn tỉnh Quảng Nam.

bên trong vẫn tính chuyện lập công với cấp trên. Cuối cùng, với một thái độ ôn hòa lễ phép với hai ông khách quý, Huyện Phiên bảo phải chuẩn bị hai con ngựa cho hai ngài ngày mai đến huyện đường và sau đó sẽ đáp tàu đi tỉnh đường. Sự thật thì đây chỉ là một sự giải giao khôn khéo, dù rằng mảnh lối này không phải hai người khách không biết nhưng giả vờ như thật tình mà thôi. Huyện Phiên đưa tiễn hai người khách và ngỏ ý mọi việc đều do trên tỉnh, nhất là quan Công sứ quyết định.

Vào sáng hôm sau, khi đáp tàu đến Qui Nhơn, hai ông khách kêu xe đến tỉnh đường trước, bởi khi từ già Huyện Phiên đã cho biết Tổng đốc Hồ đốc Ứng vốn là bạn học của ông Hiến trước sự kinh ngạc của ông này vì huyền diệu của Vô hình. Một sự tình cờ, nhân chuyến đi này, ông cũng mang theo lá thư của người con gái ông Ứng đang ở cùng nhà trọ với con gái ông Hiến, cùng học một trường tại Pháp nhờ ông trao lại, nhưng chưa có dịp. Thế là mọi sự được phân tỏ nhưng ông Tổng đốc cũng như Huyện Phiên trước đây, bảo mọi việc chính trị phải do quan Công sứ quyết định. Ông Tổng đốc không quên mời hai ông khách quý trở lại dùng cơm trưa tại tỉnh đường.

Lại cũng hai cuộc xe kéo khi mai chở đưa hai người khách lạ với số tiền thuê trả gấp 5 lần.<sup>4.37</sup> Khác lần trước, lần này ông Chiêu lại đi trước đến cổng dinh Công sứ, bảo xe kéo thẳng vào dinh, mặc dù lính gác cự nự ban đầu nhưng cuối cùng cũng được lệnh cho vào bởi ông Công sứ Jean... là chỗ quen thân ngày trước tại Chợ Lách, khi ông Chiêu là Bang biện thì ông Jean... là ông Cò, tức cảnh sát trưởng. Lại một kinh ngạc nữa của hai ông trước huyền diệu của Vô hình, đến đây hai ông mới biết tại sao mình phải đi mà Ôn Trên lại không phải hai ông Ty, Lợi.

Thế là hai người tay bắt mặt mừng, và sau khi hỏi thăm ba điều bốn chuyện, ông Chiêu liền tỏ rõ mục đích chuyến đi là xin trả tự do cho tén hữu thiếu niên Huỳnh Thanh đang bị giam giữ tại nhà lao mật thám Qui Nhơn. Tức thì quan Công sứ một mặt cho mời quan Tổng đốc, một mặt gọi điện thoại bảo viên mật thám dẫn tội phạm Huỳnh Thanh đến tại đó. Trong giây lát, một người Pháp chở một thanh niên Việt trên chiếc công xa đến nơi. Ông Chiêu vốn không gặp anh Thanh lần nào, dù rằng anh đã lãnh lệnh từ Châu Minh, nhưng với Thất Thánh, Thất Hiền, anh đã quá bé tí vừa về tuổi tác lẫn đạo hạnh để được tiếp xúc với các bậc đàn anh, thế nhưng vừa thấy anh Thanh, ông Chiêu đã ra bộ quen thân lắm vừa mừng vừa nói: "*Hai bác được lệnh Ôn Trên từ Châu Minh ra đây để xin trả tự do cho cháu!*"

Thế là hai ông được mời dự cơm trưa tại tòa Công sứ nhưng đã từ chối vì lý do ăn chay. Quan Tổng đốc cũng nhắc lời mời khi mai nhưng hai ông từ nan vì lý do trên.

Hai ông từ già các quan ra về với anh Huỳnh Thanh, vừa 17 tuổi, và tìm nhà của ông Phan thanh Phiến,<sup>4.38</sup> đang là công chức tại Qui Nhơn và được mời

---

4.37 1 đồng thay vì hai hào.

4.38 Cháu nội của cụ Phan thanh Giản.

## *Đông Tân*

dùng cơm chay sau khi trao bài Thánh ngôn của cụ Phan cho ông này.

Khi về đến Phù Cát thì mọi sự khác hẳn. Các viên chức xã, tổng và huyện đều tỏ vẻ ân cần bất thiệp. Nhân có tư thế thuận lợi cho việc phổ thông chọn đạo, hai ông Chiêu và Hiến đã lưu lại nhà ông Hương Nghinh suốt một tháng trời. Trong thời gian này, hai ông được tiếp đãi rất nồng hậu. Sự sợ hãi của dân làng đã đổi thành sự tò mò sẵn đón bởi hai ông thường được dành cho hai con ngựa để đi viếng cảnh đó đây. Hàng ngày, hai ông còn có việc tiếp đãi quan khách trí thức trong vùng nghe tin tìm đến, hoặc đánh cờ, hoặc trò chuyện. Ban đêm lại bình Thánh ngôn, nhất là kinh Chuyển Thế Giác Mê rất hấp dẫn đồng bào các giới. Ấy thế, chỉ trong thời gian một tháng này mà số tín đồ có đến 300 người. Và nhà ông Hương Nghinh là Thiên bàn giảng đạo và nhập môn đầu tiên tại Bình Định.

Thời gian sau, anh Thanh vào Châu Minh, mang theo người thân tộc là Huỳnh quang Ngọc<sup>4.39</sup> để tập dượt đồng tử. Thế là cơ đạo được lan truyền ra các xã huyện các nơi với cơ đàn phổ độ do bộ phận thông công gồm có:

Pháp đàn: Huỳnh Thanh  
Đồng tử: Huỳnh quang Ngọc  
Độc giả: Tạ Chín  
Điển ký: Nguyễn Ấn

Các Thánh Thất được kiến tạo từ 1939 gồm có: ban đầu là Kim Quang Minh Đài, do Châu Minh ban bảng hiệu, sau là Châu Long Đài, được kể trong hàng 72 Thánh Tịnh của Tiên Thiên. Thời gian sau, cơ đạo mở rộng ra các Thánh Thất Trung Hòa, Trung Tân, Trung Bình, Trung Hội. Trụ sở chính của tỉnh đạo là Kim Quang Minh Đài. Mỗi nơi có một Lễ Sanh làm Đầu Họ do công cử. Bộ phận thông công chỉ làm việc từ 1940 đến 1943 thì có lệnh bế cơ. Số tín hữu đến nay có đến 8000 người.

Qua năm 1945, biến cố Quảng Ngãi thúc đẩy nhóm đạo này sát cánh với đồng bạn ở Quảng Nam. Bởi chỗ cùng gốc và nhận lệnh từ Tiên Thiên, anh Huỳnh Thanh đã liên lạc đến Đà Nẵng và gia nhập phái đoàn Cơ Quan Truyền Giáo Trung Bộ ra Hà Nội với hai ông Lương vĩnh Thuật và Trần quốc Luyện và chuẩn bị cho sự hợp nhất cơ đạo miền Trung.

Nhưng phải chờ đến cuối năm 1947, do lệnh đức Tổng Lý Trần Hưng Đạo từ Quảng Nam tại Thánh Thất Trung An, qua đồng tử Chí Bửu thì mới có cơ hội triệu tập các tỉnh miền trong và số đại biểu về Trung An tham dự đại hội thành lập Hội Thánh Truyền Giáo ngày mùng 9 tháng Giêng năm Mậu Tý (2/1948)

---

4.39 Kêu ông Huỳnh Thanh bằng chú.



qua bao nhiêu phen thử thách gian lao nhưng vẫn không làm suy giảm tinh thần xây dựng Thánh thể ngày càng thêm vững chắc...

• **Tại Phú Yên**

Vào thập niên 1930 đã có những nhóm tín hữu Cao Đài do các chi phái miền Nam tạo lập nên cơ sở Thánh Thất ở rải rác trong tỉnh tuy âm thầm nhưng cũng gây được tinh thần tín ngưỡng trong quần chúng. Nhưng trước những bế tắc do sự ngăn cấm của chính phủ Pháp Nam nên vào giữa thập niên 1940, họ tìm cách vào Nam để tìm sự liên lạc với chi phái mình nhưng đành thất bại, một phần do thời tiết cay nghiệt, một phần do nhân sự lả lơi, rốt cuộc đã được sự chiếu cố Vô hình dong ruổi như một trong những người thủ lãnh lược kể sau đây.

Ông Đặng quang Minh, một chức sắc Cao Đài miền Phú Yên cho biết như sau:

"1- Năm 1944, tại Thánh Thất Phước Lâm (bây giờ gọi là Thánh Thất Minh Đức) Cố Đạo trưởng Võ Hóa, Dương bình Tống lãnh đạo cùng đạo huynh Nguyễn khoa Trường, Đặng quang Minh thuộc về Tòa Thánh Tây Ninh.

2- Thánh Thất Phú Lộc (nay là Thánh Thất Minh Trung), Cố Đạo trưởng Lê chơn Nho, Nguyễn nhật Tân, Hồ tân An, Nguyễn May, Dương Khế lãnh đạo cùng đạo huynh Võ thượng Kính, Võ thành Khiết v.v... trực thuộc Cầu Kho.

3- Thánh Thất An Nghiệp (nay là Thánh Thất Minh An), Cố Đạo trưởng Võ khắc Cần, Võ khắc Can, Đỗ Tiếp và Nguyễn kiên Thanh lãnh đạo trực tiếp thuộc Hội Thánh Tam Quan (Bình Định).

4- Thánh Thất Định Trung (nay gọi là Thánh Thất Tịnh Sơn), Cố Đạo trưởng Nguyễn Xứng, Huỳnh Đàn, Võ Trạc trực tiếp Liên Hòa Tổng Hội.

5- Thánh Thất Gành Đô (nay là Thánh Thất Thiện Hòa) Cố Đạo trưởng Nguyễn Trấp lãnh đạo cùng đạo huynh Nguyễn Phương, Trương minh Đức trực thuộc Cầu Kho.

Năm 1945, làn sóng người nhập môn cầu đạo lại càng đông, nên tiếp tục thành hình thêm các Thánh Thất:

6- Thánh Thất Chí Thành (nay là Thánh Thất Tịnh Quang) Đạo trưởng Đặng tấn Ích cùng đạo huynh Nguyễn Điều lãnh đạo.

7- Thánh Thất vùng II An Ninh (nay là Thánh Thất Tịnh An) Đạo trưởng Nguyễn Nhứt lãnh đạo.

8- Thánh Thất vùng Vạn Ninh (nay là Thánh Thất Tịnh Thành) Đạo trưởng Nguyễn Kiêu lãnh đạo.

9- Tại Phú Phong có Thánh Thất Trung Nam do Cố Đạo trưởng Nguyễn Trung, Nguyễn Cư, cụ Mười Gấn, Đặng phú Tấn, Nguyễn Vạn tạo lập và là quê nhà của đạo huynh Nguyễn khoa Trường và Đặng quang Minh."

## *Đông Tân*

Nhằm năm kháng chiến chống Pháp, sự lưu thông bị bế tắc, trước cảnh gà lạc mẹ của các Thánh Thất kể trên, các vị lãnh đạo chọn đại biểu dùng ghe buồm để vào Nam tiếp xúc các chi phái đạo liên hệ để tìm cách cứu vãn tình hình.

Ngày 6/2/1946, đạo huynh Đặng quang Minh, Nguyễn khoa Trường đại diện các chi phái đạo Phú Yên vượt biển vào Nam. Đường đi gặp nhiều trở ngại, sau một tháng trời mới đến Phan Thiết, phải qua ghe chở muối để tiếp tục cuộc hành trình. Đi vừa độ 60 cây số thì bị bộ đội kháng chiến tịch thu muối, cầm giữ hành khách rồi đuổi về Phan Thiết. Đường về lại gặp quân Pháp bố ráp phải ẩn náu vào làng mạc dù trở ngại nhưng vẫn không sờn lòng vì sứ mạng chưa tròn và sau đó tại Phan Thiết gặp lại ghe cũ lúc khởi hành lại tiếp tục tiến vào Nam. Đi vừa đến mũi Khê Gà là bến đậu tập trung ghe từ Mũi Nhọn ra vào Trung Bắc vào đúng ngày 6/4 có lệnh báo động tàu thủy quân Pháp đến Khê Gà, tất cả đoàn ghe trên 100 chiếc trương buồm ra khơi biến dạng thì trận cuồng phong kéo đến, trời đất tối tăm, bão tố mịt mù, sóng gió khủng khiếp, đoàn ghe thuyền đều bị đắm chìm tất cả. Sau một ngày đêm sóng gió đưa người còn sống sót từ khơi vào tới thủy đạo tàu Pháp vớt lên thì đoàn ghe kể trên chỉ còn lại 14 người. Chiếc ghe có hai đại biểu đi thì lái tàu và bạn 5 người đều chết cả, duy chỉ có hai đại biểu là còn sống. Đó là hai ông Minh, Trường nằm trên tàu thủy lên cơn bệnh của mỗi người vì sau 24 tiếng thân thể đắm nước, sóng gió dập nhồi coi như dờ chết!

Mộng vào Nam đã thất bại! Thật là thấm thía, hai ông hồi tưởng lại những việc hư hư thiệt thiệt: tại sao đêm tối dưới biển lại đứng trên tảng đá để khỏi chết và nước ngọt ở đâu uống no lòng? Và chẳng biết đêm thứ hai này con tàu sẽ hướng về đâu thì vừa lúc đó tiếng còi báo hiệu trời đã sáng, anh em vào bờ đi bệnh viện Nha Trang. Sau một tuần lễ bị Pháp thăm vấn và điều trị thuốc men, hai đại biểu xuống thuyền Nha Trang về lại tỉnh nhà, tường thuật chuyến đi vào Nam đồng thời thành lập ban lãnh đạo chung các chi phái trong tỉnh. Đến tháng Chạp Đinh Hợi (1/1948) thì được lệnh từ Quảng Nam - qua bài Thánh ngôn do Chí Bửu thủ cơ tại Thánh Thất Trung An - ra họp Đại hội ngày 9 tháng Giêng Mậu Tý (2/1948) để thành lập Hội Thánh Truyền giáo Cao Đài.

### ❑ **Ngã qua các cơ sở phía Bắc Quảng Nam**

Trong khi các tỉnh miền trong Quảng Nam có sự hướng dẫn và phụ lực của Vô hình trong công cuộc truyền bá giáo lý cho Cao Đài một cách đặc biệt như thế thì ở phía Bắc Quảng Nam, phong trào không mấy sôi động bởi nhiều yếu tố nhân sự không thể áp dụng như các tỉnh vừa kể.

Một sự khác biệt hình như cũng là Thiên ý đã không hề có sự dong ruổi trực tiếp của Vô hình qua cơ bút để đem cơ đạo ra đến phía Bắc Quảng Nam. Với trí lự phàm phu, chúng ta không hiểu tại sao lại có sự sai thù đó, nhưng cho đến nay, ngoài 70 năm khai giáo, mà các tỉnh miền Bắc Quảng Nam, kể từ Thừa Thiên trở ra,

danh xưng Cao Đài cũng rất ít người được biết, nếu họ không có cơ hội đi lần về phía Nam nước Việt. Tuy nhiên, quá trình của cơ đạo miền Trung không phải hoàn toàn ngừng lại ở điểm cuối là Quảng Nam mà cũng đã được khai triển ra các vùng tuy không ồ ạt sôi nổi, nhưng cũng có sự hiện diện trên các phần đất này để chờ ngày nào đó sẽ được tìm hiểu như một sự kiện không thể thiếu đi trong sinh hoạt nhân loại phải có, và lẽ cố nhiên, không người Việt nào mà không biết đến.

#### □ **Cơ sở tại Huế**

Cũng như ở Quảng Ngãi và Bình Định, tại Thừa Thiên cũng có sự gieo rải giáo lý Cao Đài qua Tòa Thánh Tây Ninh và Hội Thánh Bến Tre, nhưng sự hiện diện của Cao Đài giáo tại đây có tính cách rời rạc, không mấy tác dụng trong quần chúng.

Nói riêng về sự chuyển hướng cơ đạo miền Trung về sau này, tại Thừa Thiên, phải kể đến gia đình cụ Trương như Hối, cư ngụ ngay tại kinh thành Huế, vốn đã thọ giáo Minh Sư với đức Thái Lão Trần đạo Quang, nghe đâu trong thời gian chùa Tây Thiên ở Quảng Nam do bà Giám đốc Lương văn Tân vốn đã hiến cúng cho nhà sư Thạch Động ở Quảng Ngãi, nhưng ông này không ở chùa mà muốn đi vào núi. Đây là lần thứ hai, đức Thái Lão Trần Đạo Quang ra Trung Kỳ truyền đạo Minh sư, trước khi được lệnh đức Cao Đài chuyển phò loan đến độ ngài qui nguyên qua Cao Đài giáo ngày 29/10/1926 (*tháng 9 năm Bính Dần*).

Bởi sự ngộ chứng Minh Sư trong cùng một giòng khai triển đó mà về sau này tư gia cụ Lương trọng Hối đã trở thành một Thiên bàn, rồi sau thành cơ sở tỉnh đạo Thừa Thiên.

#### □ **Ngã Quảng Nam**

Nói đến sự truyền bá Cao Đài giáo làm thành cơ sở dung hợp các chi phái xây dựng nền Chánh pháp đối diện với mọi cơ chế tại địa phương thì phải nói đến Quảng Nam bởi lẽ nơi đây là động cơ chính cho sự thành hình cơ sở đạo giáo Bắc Trung và còn thành quả to tát đến sau này. Nói thế cũng có nghĩa là nếu không có sự truyền bá mỗi đạo đến Quảng Nam làm nền cho cơ sở Trung Bắc thì sẽ không có sự gặp gỡ lý kỳ của tất cả các chi phái đạo Cao Đài trong một sinh hoạt chung như đã thể hiện theo dòng lịch sử đến nay. Sự đóng góp công lao của các bậc Hướng đạo Quảng Nam phải nói rất cân xứng với công khai sơn phá thạch của các nhà Khai đạo buổi đầu tại miền Nam bởi những biến cố nhân sự và chính trị tiếp diễn cùng nhịp điệu như ở miền Nam. Chư tôn độc giả sẽ nhận biết dọc theo truyền kỳ lịch sử khai giáo Bắc Trung có một lực lượng nhân sự được bố hóa của Vô hình với bầu nhiệt huyết, với trí lự xuất chúng đã vượt qua bao gian lao thử thách mới còn đến ngày nay.

Đây là một thành tích không kém hiệu năng như công khai sơn phá thạch của các nhà Khai đạo tại miền Nam bởi lẽ nền Chánh pháp Cao Đài tại Trung

## *Đông Tân*

Bắc đã có tính cách dung hòa, không chi phái nên có thể phản ảnh trung thực giáo lý Cao Đài qua mục đích tông chỉ đã nêu ra. Từ sau 12 năm đầu, nghĩa là sau năm 1937, cơ đạo Cao Đài miền Nam đã không còn giữ được cái uy thế buổi đầu mà mạnh chi phái nào nói theo chi phái đó, nền giáo lý cơ hồ như bị nghiêng ngã theo các lãnh tụ tư phương, cho nên cứ cái đà khai triển cục bộ đó thì làm sao nói được cái tông chỉ Vạn Giáo Nhất Lý, hay Thiên Nhân Hiệp Nhất hoặc Thuần Chơn Vô Ngã được. Phải chăng vì thế mà Đức Cao Đài không nở để cho mỗi đạo sớm bị mai một theo ngã nhân tâm, nhân ý, nên đã dùng huyền diệu khai giáo Bắc Trung để chứng tỏ hệ thống cứu thế của Ngài từ nghìn xưa vẫn còn được duy trì cho đến ngày nay thì không thể để cho mai một dễ dàng được. Cho nên ta không lấy làm lạ khi thấy từ khi mầm đạo được gieo rải trên mảnh đất Quảng Nam thì một sự phục hồi cái căn bản đạo học tự nhiên có cơ gầy dựng qua những bậc trí thức uyên thâm mà các đàn anh trong Nam đều phải kính nể qua những lần tiếp xúc. Chính do đó mà nền Chánh pháp Cao Đài Trung Bắc Việt Nam phải nói là sự tiếp nối chân truyền, do Đức Cao Đài đã dạy từ những năm đầu khai đạo qua sự thực tập của các nhà khai đạo ở miền Nam buổi đầu, đến nay được khai triển phong phú hơn lên để thành hình cơ sở Đại Đạo Kỳ Ba. Trong sự hình thành Chánh pháp Cao Đài Trung Bắc Việt Nam, mọi người sẽ thấy rõ một điều kiện tất yếu phải có trước khi nền đạo được xương minh ra vạn quốc, bởi đây là giai đoạn thực thi nền Chánh pháp Cao Đài một cách hồn nhiên và trung thực, không chút gợn đục tài chính trị như đã có với Tây Ninh hay hoàn tục cự giáo như ở Bến Tre, cũng không chút gợn sắc tướng như Tiên Thiên, hay âm thầm tự phát như ở Minh Chơn Đạo... Đây là sự phối hợp giữa Thiên và Nhơn trong bối cảnh Thiên Nhân Hiệp Nhất, cho nên lời Thánh ngôn dạy tại nhà ông Hồ quang Châu năm 1926 đã cho ta biết mọi sự đều do Thiên ý vậy.

Sau đây là những năm cơ đạo miền Trung chịu nhiều cơn khảo thí mà người tín hữu Cao Đài phải chịu chung những nghiệt ngã với thảm trạng của cả nước sau tháng 8/1945, mặc dù nạn nhân các tỉnh bị giấu nhem theo tà kế của cộng sản và là nạn nhân tà thuyết thú vật của trò đệ tam quốc tế bắt đầu từ Nga xô đến Trung cộng, và lan truyền đến Việt Nam với mưu đồ thống trị toàn cầu.